



Ngày 1 tháng 9 năm 2021

Kính gửi Ngài Nguyễn Mạnh Hùng
Bộ trưởng, Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 18 Nguyễn Du, Hà Nội, Việt Nam

Về: Dự thảo sửa đổi Nghị định 72/2013/NĐ-CP

Thưa Ngài:

Thay mặt cho các thành viên của Hiệp hội Thương mại Mỹ tại Hà Nội (AmCham) và Phòng Thương mại Hoa Kỳ (Chamber), chúng tôi gửi lời chào trân trọng và lời cảm ơn Ngài vì những cam kết trong việc cải thiện các điều kiện kinh doanh nhằm tăng cường sức mạnh của khu vực tư nhân và thúc đẩy phát triển kinh tế và xã hội tại Việt Nam.

AmCham là một tổ chức đại diện cho doanh nghiệp hàng đầu về chính sách kinh tế kỹ thuật số, bao gồm các vấn đề về thương mại điện tử, an ninh mạng, quyền bảo mật dữ liệu và thương mại kỹ thuật số. Phòng Thương mại Hoa Kỳ (Chamber) là tổ chức kinh doanh lớn nhất thế giới đại diện cho các công ty thuộc mọi quy mô trên mọi lĩnh vực của nền kinh tế. Tại Hoa Kỳ và trên thế giới, Phòng Thương mại Hoa Kỳ cũng là một tổ chức mang tiếng nói của doanh nghiệp hàng đầu về chính sách kinh tế kỹ thuật số. AmCham và Chamber hoan nghênh nỗ lực sửa đổi Nghị định 72/2013/NĐ-CP và Nghị định 27/2018/NĐ-CP nhằm giải quyết những thay đổi và thách thức mà chuyển đổi số mang lại. Cụ thể, chúng tôi hoan nghênh nỗ lực nhằm đảm bảo các quy định trong nghị định đều phù hợp thực tế và có thể thi hành.

Chúng tôi quan ngại rằng dự thảo sửa đổi bao gồm các yêu cầu quy định mới không khả thi, không thể thực thi hoặc không phù hợp với các cam kết thương mại quốc tế của Việt Nam. Về vấn đề này, chúng tôi xin gửi các nhận xét và khuyến nghị đính kèm.

Chúng tôi xin cảm ơn Ngài đã xem xét. Hội viên của chúng tôi rất coi trọng việc được tham gia cùng Chính phủ và chúng tôi tin rằng đối thoại giữa Chính phủ và khu vực tư nhân sẽ góp phần giải quyết các thách thức và hướng đến các kết quả tối ưu về chính sách công.

Trân trọng,

Adam Sitkoff
Giám đốc Điều hành
AmCham Hanoi

John Goyer
Giám đốc Điều hành, Đông Nam Á
Phòng Thương mại Hoa Kỳ

Nơi nhận: Ngài Trần Văn Sơn, Bộ trưởng và Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ

Ý KIẾN CỦA AMCHAM VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI SỐ 72/2013/ND-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH 27/2018/ND-CP

NHẬN XÉT TỔNG THỂ

1. Yêu cầu lưu dữ liệu tại Việt Nam gây thiệt hại cho nền kinh tế số

Việc dịch chuyển dữ liệu tự do xuyên biên giới là vô cùng thiết yếu để đảm bảo rằng Việt Nam có thể đáp ứng được các mục tiêu chính sách kinh tế chiến lược và trở thành nền kinh tế số trị giá 52 tỷ Đô La vào năm 2025. Tuy nhiên, khoản 5 Điều 44.h. của Dự thảo sửa đổi Nghị định 72 (Dự thảo sửa đổi) không phù hợp với mục tiêu này vì nó sẽ cấm triệt để các trung tâm dữ liệu chuyển bất kỳ một dữ liệu nào của khách hàng qua biên giới, ngay cả khi khách hàng có yêu cầu chuyển. Điểm d khoản 3 Điều 22 cũng yêu cầu các công ty cung cấp thông tin xuyên biên giới lưu dữ liệu theo yêu cầu tại khoản 3 Điều 26 Luật An ninh mạng.

Các quy định hạn chế khả năng chuyển dữ liệu của khách hàng ra nước ngoài đã không tính đến thực tế phát triển của nền kinh tế số và có thể dẫn đến những hậu quả không mong muốn, cụ thể như sau:

- a) Gây gián đoạn đáng kể đến các hoạt động kinh doanh hiện tại và hạn chế khả năng của các doanh nghiệp Việt Nam và các công ty đa quốc gia hoạt động tại Việt Nam trong việc phục vụ khách hàng trong nước và quốc tế.

Nhiều doanh nghiệp và công ty khởi nghiệp của Việt Nam hiện đã và đang sử dụng các dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) nước ngoài để: (1) cải thiện an toàn thông tin; (2) đảm bảo kiểm soát chất lượng; và (3) tiếp cận các dịch vụ sáng tạo nhất về phân tích dữ liệu, máy học (machine learning) và Internet Vạn vật (Internet of Things). Những hạn chế trong khoản 5 Điều 44.h của Dự thảo sửa đổi sẽ cản trở các công ty Việt Nam tiếp cận những dịch vụ mà họ đang sử dụng để phục vụ khách hàng trong và ngoài nước. Điều này sẽ gây ra gián đoạn đáng kể trong việc cung cấp dịch vụ và có thể phá vỡ toàn bộ mô hình kinh doanh, đặc biệt là trong bối cảnh nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) và công ty khởi nghiệp chỉ mới bắt đầu phục hồi hoạt động kinh doanh của họ sau tác động của đại dịch COVID-19.

Điểm b, khoản 3 Điều 22 yêu cầu khoản phí trả trước đáng kể đối các công ty nước ngoài và trong nước ở mọi quy mô trong việc mua và cài đặt phần cứng và phần mềm, đồng thời tuân thủ các chi phí theo quy định đang gia tăng. Yêu cầu lưu trữ dữ liệu sẽ là rào cản đối với việc tiếp cận thị trường đối với các doanh nghiệp nước ngoài, tác động đến tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế, bao gồm điện toán đám mây, dịch vụ tài chính, chăm sóc sức khỏe, nông nghiệp và sản xuất. Yêu cầu này sẽ tạo ra gánh nặng lớn về hành chính, kỹ thuật và tài chính cho tất cả các bộ phận của nền kinh tế khi các biện pháp lưu trữ dữ liệu làm gián đoạn hoạt động kinh doanh bằng cách tăng chi phí hoạt động tại Việt Nam và hạn chế sự khả dụng của các sản phẩm và dịch vụ kỹ thuật số, hỗ trợ kỹ thuật số.

Tương tự, các công ty đa quốc gia trên tất cả các ngành cũng đang phụ thuộc vào các nhà cung cấp dịch vụ ICT này, từ việc cung cấp dịch vụ lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam đến việc giảm độ trễ cho khách hàng. Đối với nhiều nhà cung cấp dịch vụ, phần lớn quy trình xử lý dữ liệu và dịch vụ phân tích tiên tiến của họ đều diễn ra ở nước ngoài do hiệu quả chi phí và việc phân tích nhu cầu khách hàng cải thiện dịch vụ được thực hiện thông qua tổng hợp dữ liệu. Do đó, nếu những hạn chế về dịch chuyển dữ liệu tự do xuyên biên giới được ban hành, các công ty đa quốc gia cung cấp dịch vụ số sẽ không thể tiếp tục hoạt động tại Việt Nam vì nhà cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu của họ bị cấm chuyển dữ liệu khách hàng

ra ngoài lãnh thổ Việt Nam. Điều này sẽ tác động tiêu cực đến sức hấp dẫn đầu tư của thị trường Việt Nam và thậm chí có thể dẫn đến việc giảm mạnh các khoản đầu tư trực tiếp nước ngoài hiện có ở Việt Nam, trên tất cả các ngành công nghiệp.

b) Làm suy yếu quyền riêng tư và bảo mật.

Bảo mật dữ liệu nói chung không phụ thuộc vào nơi dữ liệu được lưu trữ, mà phụ thuộc vào các giải pháp kỹ thuật, vận hành và quản lý được thực hiện để bảo mật dữ liệu. Việc lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam sẽ đi ngược lại các mục tiêu bảo vệ dữ liệu vì nó có thể dẫn đến việc các chủ thể dữ liệu có ít sự lựa chọn hơn nếu quá trình xử lý dữ liệu quá tốn kém hoặc không khả thi về mặt thương mại cho các nhà cung cấp dịch vụ khi cung cấp dịch vụ trong một quốc gia. Những công ty là đối tượng phải tuân thủ yêu cầu về lưu trữ dữ liệu trong nước có thể sẽ không thể tiếp cận với các sáng kiến công nghệ mới ở các quốc gia khác và bị cô lập với khách hàng đến từ thị trường nước ngoài, và đồng thời phải đối mặt với chi phí kinh doanh cao hơn. Những tác động này ảnh hưởng lớn nhất tới các công ty khởi nghiệp trong nước và các công ty truyền thống đang trải qua quá trình số hóa vì phần lớn các công ty này đều phụ thuộc vào các dịch vụ điện toán và lưu trữ đám mây chi phí thấp. Nói tóm lại, việc đặt ra các yêu cầu về lưu trữ dữ liệu trong nước sẽ đi ngược lại với mục tiêu chuyển đổi số và phát triển nền kinh tế số tại Việt Nam.

Hơn nữa, việc yêu cầu lưu trữ dữ liệu ở một vị trí tập trung - và do đó dễ tiếp cận hơn - khiến mạng và dữ liệu dễ bị xâm nhập và sao chép do các bên thứ ba độc hại hoặc không có thẩm quyền. Lưu trữ dữ liệu cũng làm giảm khả năng phục hồi của các dịch vụ phụ thuộc vào công nghệ trong trường hợp mạng bị gián đoạn như thiên tai hoặc mất điện.

Khi không có quy định về lưu trữ dữ liệu, các doanh nghiệp phụ thuộc vào công nghệ có thể tận dụng các giải pháp lưu trữ đám mây với những cách thức có thể nhân rộng và giá cả phải chăng để triển khai công nghệ, công cụ mới nhất trên toàn mạng lưới nhằm đảm bảo an toàn và phân cấp tại nơi dữ liệu cá nhân hoặc nhạy cảm được lưu trữ, đồng thời gây khó khăn cho các tác nhân độc hại khi tìm và truy cập dữ liệu.

Khuyến nghị: Để giảm thiểu khó khăn và gánh nặng tuân thủ cho các doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam và thúc đẩy Việt Nam trở thành một trung tâm đầu tư công nghệ hấp dẫn, chúng tôi đề nghị Chính phủ Việt Nam và/hoặc Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TT&TT) loại bỏ điểm d khoản 3 Điều 22 và điểm h khoản 5 Điều 44 ra khỏi Dự thảo sửa đổi, và rộng hơn là tạo điều kiện, khuyến khích luồng dữ liệu tự do xuyên biên giới. Chính phủ Việt Nam/ Bộ TT&TT có thể xem xét ban hành các hướng dẫn tạo điều kiện cho việc chuyển dữ liệu một cách an toàn và bảo mật thay thế cho yêu cầu lưu trữ dữ liệu trong nước, chẳng hạn như công nhận các chứng chỉ về bảo mật dữ liệu, quyền riêng tư và quản lý thông tin của bên thứ ba có uy tín quốc tế (ví dụ: ISO).

2. Các yêu cầu thành lập pháp nhân tại Việt Nam là không cần thiết và có thể tác động tiêu cực đến khả năng cạnh tranh của Việt Nam.

Các nhà cung cấp dịch vụ trực tuyến có thể duy trì các kênh liên lạc mở với Chính phủ, cũng như với người sử dụng để giải quyết các vấn đề pháp lý và phản hồi ý kiến mà không cần phải có chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam. Tại nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam, đã có những dấu hiệu tích cực cho thấy các quy định đang phát triển để công nhận khía cạnh độc đáo này trong các dịch vụ số xuyên biên giới. Ví dụ, những sửa đổi được đề xuất gần đây đối với Luật Quản lý thuế của Việt Nam sẽ cho phép các công ty nước ngoài nộp thuế mà

không cần thành lập pháp nhân thường trú tại Việt Nam. Chúng tôi khuyến nghị rằng Dự thảo sửa đổi nên áp dụng cách tiếp cận tương tự và nên loại bỏ các yêu cầu về sự hiện diện tại Việt Nam, quy định này hoàn toàn không phù hợp với các thông lệ quốc tế phổ biến. Yêu cầu thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam cũng có thể tạo ra những hậu quả tiêu cực không mong muốn, bao gồm việc đặt Việt Nam vào vị thế bất lợi trong cạnh tranh với các quốc gia khác và cản trở đầu tư vào Việt Nam do gánh nặng và chi phí kinh doanh bổ sung cần thiết để thành lập pháp nhân tại Việt Nam.

3. Áp dụng cách tiếp cận khác trong việc điều chỉnh phạm vi rộng lớn các dịch vụ mạng xã hội.

Các định nghĩa trong Dự thảo sửa đổi cần công nhận nhiều loại dịch vụ mạng xã hội khác nhau và quy định chung là không cần thiết và cũng không thực tế. Các dịch vụ mạng xã hội có sự khác biệt khá nhiều về đối tượng tiếp cận, loại nội dung và tính năng. Ví dụ: Nhiều dịch vụ mạng xã hội tập trung vào sở thích cụ thể (ví dụ như thiết kế đồ họa, chơi game, đọc sách), không có mục đích hoặc tính năng báo chí và do đó, không nên áp dụng một quy định giống nhau cho tất cả các dịch vụ mạng xã hội. Thậm chí, một số dịch vụ mạng xã hội chuyên biệt này có thể không cần quản lý vì chúng đã hoạt động trong nhiều năm mà không gây ra bất kỳ rủi ro hoặc vấn đề pháp lý nào.

Khuyến nghị: Thay vì đề xuất hiện tại - sử dụng các mặt rộng bằng để điều chỉnh hầu hết các dịch vụ của mạng xã hội trong nước và xuyên biên giới, chúng tôi khuyến khích Bộ TT&TT áp dụng một cách tiếp cận khác là loại trừ các mạng xã hội chuyên biệt nói trên.

4. Công nhận Mô hình Chia sẻ Trách nhiệm đối với khách hàng doanh nghiệp (B2B) và cách thức quản lý Điện toán đám mây.

Theo ý kiến của chúng tôi, việc đưa trung tâm dữ liệu và dịch vụ đám mây vào phạm vi của Nghị định 72 là không phù hợp vì Nghị định 72 được ban hành để giải quyết các vấn đề bảo vệ người tiêu dùng và quy định nội dung liên quan đến các mô hình kinh doanh với khách hàng cá nhân (B2C) hơn là khách hàng doanh nghiệp (B2B). Khi xem xét các mô hình quản lý B2B, luật pháp cần công nhận mô hình “chia sẻ trách nhiệm” giữa nhà cung cấp dịch vụ và khách hàng doanh nghiệp của họ. Ví dụ, trong thị trường điện toán đám mây, mô hình chia sẻ trách nhiệm được sử dụng để phân biệt giữa trách nhiệm của nhà cung cấp dịch vụ đám mây trong việc cung cấp, duy trì cơ sở hạ tầng chính và trách nhiệm của khách hàng trong việc sử dụng cơ sở hạ tầng, bao gồm cả việc triển khai các ứng dụng trên cơ sở hạ tầng đó. Chúng tôi tin rằng mô hình này cũng cần được áp dụng trong bối cảnh của Nghị định 72 và chính khách hàng là bên chịu trách nhiệm trong việc lựa chọn dịch vụ mà họ sử dụng, tích hợp các dịch vụ đó vào môi trường CNTT của họ, triển khai các ứng dụng, tuân thủ pháp luật và quy định hiện hành.

Các nghĩa vụ được đề xuất đối với nhà cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu tại Điều 44c và 44h.2 (bao gồm yêu cầu ký kết hợp đồng cam kết tuân thủ và yêu cầu dừng dịch vụ trong trường hợp vi phạm) và Điều 44h.1 (giải pháp kỹ thuật và báo cáo vi phạm) của Dự thảo sửa đổi sẽ áp dụng cho khách hàng sử dụng dịch vụ điện toán đám mây chứ không phải nhà cung cấp dịch vụ đám mây.

Khuyến nghị: Về tổng thể, chúng tôi khuyến nghị Chính phủ Việt Nam/Bộ TT&TT sửa đổi Điều 44, loại bỏ trung tâm dữ liệu và nhà cung cấp dịch vụ đám mây ra khỏi phạm vi của các sửa

đổi được đề xuất để đảm bảo rằng các nghĩa vụ được áp dụng đối tượng chủ thể và nhất quán với đề xuất trong các phần qui định trước của Dự thảo sửa đổi.

5. Áp dụng hiệu lực ngoài lãnh thổ tại khoản 7 Điều 22, khoản d Điều 44, khoản g Điều 44.

Việc mở rộng quyền lực ra ngoài lãnh thổ sẽ không khả thi với Việt Nam vì khả năng thi hành quyền lực đối với các tổ chức ở nước ngoài thường gặp phải rất nhiều thách thức. Ngoài ra, việc áp dụng luật ngoài lãnh thổ có thể tạo ra các nghĩa vụ mâu thuẫn và chồng chéo nhau, làm cho việc tuân thủ trở nên vô cùng phức tạp và tốn kém cho các tổ chức nước ngoài và cuối cùng, làm mất đi mục tiêu ban đầu của các quy định này. Vì vậy, chúng tôi đề xuất các yêu cầu của Nghị định chỉ nên áp dụng cho các pháp nhân được thành lập tại Việt Nam theo luật pháp Việt Nam vì điều này phù hợp với luật pháp toàn cầu về quyền riêng tư hoặc giao dịch điện tử. Hơn nữa, chúng tôi đề xuất các tổ chức nước ngoài cung cấp thông tin kỹ thuật số trên các nền tảng quốc tế của họ nhắm đến đối tượng quốc tế (không nhắm mục tiêu cụ thể đến khách truy cập từ Việt Nam) nên được miễn trừ các yêu cầu này.

Nghị định cũng không nên ép buộc các tổ chức, cá nhân phải thông báo cho tổ chức ở nước ngoài về những thông tin mà họ cho rằng vi phạm pháp luật Việt Nam. Các tổ chức ở nước ngoài thường không thể dừng dịch vụ chỉ theo những thông báo đó vì có thể không đủ cơ sở hoặc chỉ dựa trên giải thích chủ quan hoặc giải thích không chính xác về luật pháp. Thay vào đó, các tổ chức, cá nhân nên gửi thông báo trực tiếp đến Bộ TT&TT. Việc này sẽ không tạo ra khả năng cho bất kỳ một cá nhân hoặc tổ chức nào quyền khởi kiện, trong trường hợp họ mới chỉ cho rằng thông tin vi phạm "có thể" ảnh hưởng đến quyền của họ.

- **Chỉ cho phép live stream và tiền tệ hóa đối với các tài khoản đã đăng kí với Bộ TT&TT.** Trách nhiệm này đặt ra một gánh nặng thiếu phù hợp và không khả thi cho các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài khi phải có trách nhiệm pháp lý đối với **việc tuân thủ quy định của người dùng**. Chúng tôi tin rằng đây là trách nhiệm tuân thủ thuộc về tài khoản/trang/kênh/ chủ sở hữu, đồng thời các nhà cung cấp nước ngoài phối hợp và điều hành theo luật pháp nước ngoài. Nếu các tài khoản trên vi phạm pháp luật Việt Nam, chúng tôi dựa trên cảnh báo của cơ quan chức năng về các vi phạm theo quy định của pháp luật.
- **Gửi bản báo cáo thường niên cho Bộ TT&TT và báo cáo phát sinh theo yêu cầu của Bộ TT&TT.** Các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài không được thành lập tại Việt Nam phải tuân theo các quy định nghiêm ngặt theo luật pháp tại nơi được thành lập bao gồm pháp luật quốc tế về bảo vệ dữ liệu và quyền riêng tư. Đồng thời, các công ty phải tuân thủ các chính sách nội bộ và các yêu cầu trong hợp đồng thỏa thuận với khách hàng. Các quy định nội bộ và các yêu cầu trong hợp đồng thỏa thuận bao gồm các chính sách liên quan đến vấn đề công khai các thông tin nhạy cảm, quyền riêng tư của người sử dụng và việc bảo vệ thông tin bí mật thương mại. Do đó, việc các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài phải công khai các thông tin trên với cơ quan chức năng địa phương là không thực tế và không khả thi.

Khuyến nghị: Chúng tôi khuyến nghị Bộ TT&TT rà soát lại định nghĩa này nhằm đảm bảo tính chất không giới hạn của Internet.

6. Thủ tục đăng kí, cấp phép cho ngành công nghiệp trò chơi điện tử còn khó khăn, đặc biệt đối với các công ty khởi nghiệp.

Dự thảo Nghị định 72 vẫn bao gồm các yêu cầu nghiêm ngặt đối với các nhà cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trong việc xin giấy phép. Cụ thể, một vài quy định được thêm vào liên quan đến các khía cạnh tổ chức, nhân lực, kĩ thuật (ví dụ như tiêu chuẩn lưu trữ dữ liệu cá nhân) của các nhà cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1, G2, G3 và G4 (Điều 32d, Điều 33) được tóm tắt như sau:

- Chúng tôi nhận thấy rằng các yêu cầu đối với các nhà cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 ít hơn so với nhóm G1, tuy nhiên các yêu cầu nghiêm ngặt được áp lên tất cả các nhà cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử. Nhiều trò chơi điện tử G2, G3 và G4 được tạo ra bởi các công ty khởi nghiệp, doanh nghiệp nhỏ, cá nhân hoặc các tổ chức phi lợi nhuận không có nguồn lực để tuân thủ các yêu cầu được nêu ra trong dự thảo Nghị định. Do vậy, chúng tôi tin rằng những yêu cầu nghiêm ngặt có thể làm giảm sút tính sáng tạo và đổi mới trong ngành công nghiệp trò chơi điện tử tại Việt Nam.
- Khi không tồn tại đường biên giới thực tế đối với việc phân phối trò chơi di động, các yêu cầu cấp phép cần phải được đơn giản hóa nhằm tạo điều kiện cho các nhà phát triển nước ngoài tuân thủ, đồng thời gia tăng khả năng thực thi các quy định trên. Các nhà phát triển trò chơi toàn cầu nên được phân phối trò chơi của họ tại Việt Nam.
- Thêm vào đó, nhà cung cấp trò chơi G4, loại trò chơi được tải về từ mạng Internet không cần tương tác giữa các người chơi và giữa người chơi với máy chủ, không có xu hướng thu thập dữ liệu cá nhân của người chơi. Do vậy, việc yêu cầu các nhà cung cấp trò chơi G4 chứng minh khả năng lưu trữ dữ liệu cá nhân của người chơi là quá nghiêm ngặt và rườm rà. Do vậy, chúng tôi mong Bộ TT&TT sẽ xem xét việc áp dụng các yêu cầu trên nhằm giảm gánh nặng cho các nhà cung cấp trò chơi trực tuyến đang mong muốn được phân phối trò chơi tại thị trường Việt Nam.
- Cuối cùng, thời gian thẩm định của Bộ TT&TT cho trò chơi điện tử G1 là 25 ngày và 20 ngày đối với trò chơi điện tử G2, G3, G4. Khi thị trường ứng dụng có tính cạnh tranh cao và đang chuyển động rất nhanh, thời gian xem xét và thẩm định kéo dài sẽ làm giảm tính cạnh tranh và cản trở sự phát triển của ứng dụng và nhà phát triển trò chơi.

Khuyến nghị: Chúng tôi khuyến nghị Bộ TT&TT rà soát lại các quy định về trò chơi điện tử nhằm đảm bảo môi trường công bằng và khuyến khích cho ngành công nghiệp trò chơi điện tử.

7. Bản dự thảo Nghị định hiện tại thiếu cơ chế kháng nghị cho các nhà cung cấp thông tin nước ngoài.

Trong khuôn khổ hiện nay không thể hiện cơ chế kháng nghị cho người dùng hay nhà cung cấp thông tin người nước ngoài khi tranh chấp trong trường hợp nội dung vi phạm quy định của pháp luật Việt Nam. Nhiều điều khoản tại Điều 5 khoản 1 còn mơ hồ và phụ thuộc vào sự diễn giải. Hơn nữa, không có hướng dẫn về cách hiểu các quy định này, tính chung chung của các quy định có thể dẫn đến sự áp dụng tùy ý của các cơ quan thực thi pháp luật. Khi không xác định chính xác được nội dung có vi phạm Điều 5 khoản 1 hay không, việc xử phạt người dùng hay nhà thông tin cung cấp thông tin vì nội dung sẽ không công bằng.

Hơn nữa, điểm b (i) khoản 6 Điều 22 quy định các doanh nghiệp viễn thông phải “thực hiện các giải pháp kĩ thuật cần thiết nhằm chặn quyền truy cập vào nội dung, dịch vụ hay ứng dụng vi phạm” (chẳng hạn như chặn truy cập đối với thông tin giả mạo) trong vòng 3 giờ sau khi nhận được yêu cầu của Bộ TT&TT. Trong khoảng thời gian ngắn, kết hợp với sự không rõ ràng trong quy định về các yếu tố cấu thành “nội dung, ứng dụng, dịch vụ vi phạm” nêu trên, sẽ trói buộc các nhà cung cấp thông tin xuyên biên giới, khiến cho họ không có lựa chọn nào khác ngoài tuân theo yêu cầu gỡ bỏ của Bộ TT&TT mà không có một lời giải thích rõ ràng về tính bất hợp pháp của các nội dung đó. Điều này gây khó khăn cho các nhà cung cấp thông tin xuyên biên giới nước ngoài trong việc tiến hành thẩm định cần mà họ có nghĩa vụ phải thực hiện theo các khuôn khổ pháp lý quốc tế trước khi tuân thủ yêu cầu trên, khiến họ không còn lựa chọn nào khác ngoài việc tuân theo nhiều yêu cầu gỡ bỏ của Bộ TT&TT mà không có bất kỳ giải thích rõ ràng nào về tính bất hợp pháp của nội dung đó. Do đó, để bảo vệ quyền của các nhà cung cấp thông tin xuyên biên giới nước ngoài, rất cần một cơ chế kháng nghị với mục đích cho phép các công ty tìm cách khắc phục trong các tình huống khi nội dung có vi phạm pháp luật tại địa phương hay không chưa rõ ràng.

Chúng tôi đề xuất trao đổi thông tin, cơ chế giữa các nhà cung cấp thông tin xuyên biên giới với Bộ TT&TT. Tuy vậy, có thể xuất hiện các nội dung gây thiệt hại, chẳng hạn như những nội dung gây ra nguy hiểm cận kề đến tính mạng hay tổn thương tức thì cần phải được gỡ bỏ ngay lập tức. Trong trường hợp này, Bộ TT&TT sẽ cân nhắc để có định nghĩa và mô tả nội dung rõ ràng trong văn bản pháp luật nhằm ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật. Trên thực tế, đối với thông tin này, Bộ TT&TT có thể cân nhắc thông báo đến nhà cung cấp thông tin xuyên biên giới về nội dung gây thiệt hại và yêu cầu gỡ bỏ, nhà cung cấp sẽ được yêu cầu gỡ bỏ nội dung đó sớm nhất có thể, đồng thời xem xét và có những hành động phù hợp đối với tất cả các hạng mục khác kịp thời và đúng lúc.

Khuyến nghị: Chúng tôi khuyến nghị Bộ TT&TT rà soát và bổ sung cơ chế kháng nghị.

8. Dự thảo Nghị định hiện thiếu tính đồng bộ với các luật khác

Dự thảo nghị định đã thêm vào một số điều khoản mới đã được quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành hoặc dự thảo khác, gây ra sự bối rối trong việc thực thi song song các luật dưới đây và dự thảo Nghị định. Chẳng hạn như:

- Luật An ninh mạng và các dự thảo hướng dẫn nghị định có các điều khoản về hạn chế nội dung và yêu cầu gỡ bỏ của cơ quan liên quan (chủ yếu là Bộ Công an và Bộ TT&TT), hiện chồng lấn với một số điều khoản của Nghị định 72.
- Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (sửa đổi năm 2009) và Nghị định hướng dẫn 128/2018/ND-CP về nội dung vi phạm Luật Sở hữu trí tuệ trên báo chí.
- Dự thảo nghị định về bảo vệ dữ liệu bao gồm các điều khoản bảo vệ dữ liệu cá nhân hiện đang mâu thuẫn với các điều khoản liên quan trong dự thảo sửa đổi này.

Bất kỳ sửa đổi nào được đề xuất đối với Nghị định 72 cần hướng tới một cách tiếp cận nhất quán và hiệu quả, phù hợp với Luật An ninh mạng hiện hành và dự thảo Nghị định thi hành, Luật Sở hữu trí tuệ và Nghị định hướng dẫn cũng như dự thảo Nghị định bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Đồng thời, dự thảo nghị định đã bao gồm nhiều điều khoản thuộc Thông tư 38/2016/TT-BTTTT quy định về việc cung cấp thông tin công cộng xuyên biên giới.

Khuyến nghị: Chúng tôi yêu cầu làm rõ thêm phạm vi dự kiến/khuôn khổ của thông tư thay thế Thông tư 38 trong tương lai.

NHẬN XÉT VỀ TỪNG ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ

1. Khoản 29 Điều 3 – Định nghĩa “cung cấp thông tin xuyên biên giới” đi ngược lại với tính chất không giới hạn của Internet.

Gần đây, hệ thống pháp luật Việt Nam đã bắt đầu khi nhận tính chất “không giới hạn” của hành vi xã hội trên không gian ảo về mặt không gian và thời gian. Tuy vậy, khoản 29 Điều 3 quy định: “tổ chức, cá nhân tại nước ngoài sử dụng trang thông tin điện tử, mạng xã hội, ứng dụng trên mạng, dịch vụ tìm kiếm và các loại hình tương tự khác trên mạng để cung cấp thông tin mà người sử dụng tại Việt Nam có truy cập hoặc sử dụng dịch vụ”.

Một trong những lợi ích chính của Internet đó là tính không giới hạn về mặt lãnh thổ, sự đa dạng thông tin và bất kỳ ai có kết nối internet đều có thể truy cập từ bất kỳ vị trí địa lý nào. Nhà cung cấp thông tin không kiểm soát ai là người sử dụng thông tin đó để đăng lên mạng lưới của họ. Do đó, khi sử dụng cơ sở rằng thông tin được cung cấp trên Internet có thể có tác động tiêu cực lên người dùng nội địa, các tổ chức và cá nhân yêu cầu người cung cấp thông tin kiểm soát việc cung cấp thông tin xuyên biên giới, Chính phủ cần thiết lập rõ ràng đối tượng kiểm soát, có cơ sở vững vàng về tác động và chứng minh rằng các điều khoản đó nhằm đến thị trường Việt Nam và có tác động đến số lượng đủ lớn người dùng tại Việt Nam.

Khuyến nghị: Chúng tôi khuyến nghị Bộ TT&TT rà soát lại định nghĩa này nhằm đảm bảo tính chất không giới hạn của Internet.

2. Khoản 32 Điều 3 – Định nghĩa về cửa kho ứng dụng đặt quá nhiều trách nhiệm lên chủ kho ứng dụng trong khi trách nhiệm đó nên thuộc về nhà phát triển ứng dụng.

Theo dự thảo hiện nay, định nghĩa: “Kho ứng dụng là một trang thông tin điện tử hoặc ứng dụng trên mạng dùng để đăng tải, phân phối, cài đặt, cập nhật các phần mềm máy tính và ứng dụng trên mạng”. Định nghĩa không thể hiện bản chất của một “kho ứng dụng”, đây chính là một dịch vụ trung gian nơi các nhà phát triển ứng dụng tiếp cận người sử dụng mà không mất phí. Đây là yếu tố quan trọng nhằm xác định trách nhiệm của các bên đối với các “ứng dụng” có trên “kho”.

Thêm vào đó, nếu kho ứng dụng này chỉ đơn thuần là một trang thông tin điện tử (website), theo Luật Công nghệ thông tin định nghĩa (“Trang thông tin điện tử (Website) là trang thông tin hoặc một tập hợp trang thông tin trên môi trường mạng phục vụ cho việc cung cấp, trao đổi thông tin.”), nó chỉ phục vụ việc cung cấp và trao đổi thông tin và không mang tính chất thương mại hay các tính chất khác, không giống như một nền tảng thương mại điện tử.

Hơn nữa, định nghĩa “kho ứng dụng” là nơi các phần mềm được đăng tải, phân phối, cài đặt và cập nhật là không chính xác. Nếu được thông qua, quy định này sẽ đặt trách nhiệm pháp lý lên chủ sở hữu kho ứng dụng vì họ được hiểu là người phân phối, cài đặt và cập nhật các ứng dụng thay vì các nhà phát triển ứng dụng. Yêu cầu mới này mâu thuẫn với các thông lệ

quốc tế tại Châu Âu, Mỹ và Châu Á. Chúng tôi xin nhắc lại rằng mặc dù các công ty đảm bảo tính tích hợp của ứng dụng, theo thông lệ pháp lý quốc tế, nhà phát triển ứng dụng phải tuân thủ theo quy định của quốc gia nơi thực hiện kinh doanh. Hơn nữa, dựa trên số lượng tuyệt đối các ứng dụng trình lên mỗi tuần, kho ứng dụng không thể áp dụng quy định của tất cả các quốc gia.

Khuyến nghị: *Chúng tôi đề xuất xóa bỏ định nghĩa mở rộng trong dự thảo nghị định.*

3. Điều 5 – Danh sách các hành vi bị cấm còn chưa đầy đủ.

Dự thảo nghị định mới đã tăng số lượng các hành vi bị cấm trong khoản 1 Điều 5 bằng cách bổ sung và cụ thể hóa một số hành vi bị cấm khiến danh sách này chưa đầy đủ:

- Giả mạo tổ chức, cá nhân và phát tán thông tin giả mạo và/hoặc thông tin sai sự thật gây hoang mang dư luận, gây thiệt hại đến các hoạt động kinh tế xã hội, cản trở hoạt động của các cơ quan nhà nước hay người thi hành công vụ và/hoặc xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan tổ chức, cá nhân;
- Thông tin làm ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất và tinh thần của trẻ em;
- Thông tin vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của các tổ chức, cá nhân khác;
- Đánh cắp hoặc chiếm đoạt thông tin cá nhân của người dân một cách bất hợp pháp; bán hoặc cung cấp không có ủy quyền thông tin cá nhân của người dân cho người khác; và
- Các hành vi bị cấm khác do pháp luật quy định

Danh sách các hành vi bị cấm chưa đầy đủ gây khó khăn đặc biệt trong việc thực thi khi mỗi quy định có cách phân loại hành vi nào bị cấm hay đang vi phạm khác nhau. Ví dụ như danh sách các hành vi bị cấm, vi phạm trong Luật Sở hữu trí tuệ (Điều 28 và 35), Luật trẻ em (Điều 6) và Luật An ninh mạng (Điều 8). Cũng cần chú ý rằng có sự tương đồng và khác biệt giữa các hành vi bị cấm tại Nghị định 72 và Luật An ninh mạng. Sự khác biệt này sẽ gây bối rối cho các bên liên quan khi cả hai văn bản đều quy định nội dung trực tuyến và hoạt động trên không gian ảo.

Khuyến nghị: *Chúng tôi khuyến nghị Chính phủ rà soát lại danh sách các hành vi bị cấm tại Nghị định 72 cũng như trong luật pháp Việt Nam và thiết lập một danh sách đầy đủ các hành vi bị cấm trong một văn bản pháp lý riêng nhằm tạo ra một nguồn tham khảo chính xác cho các bên liên quan cũng như bảo đảm thực thi hiệu quả hơn.*

4. Khoản 2, khoản 3 Điều 11 - Quy định về lập Trạm trung chuyển Internet quốc gia (VNIX) còn chưa rõ ràng.

Dự thảo nghị định quy định rằng Trạm trung chuyển Internet quốc gia (VNIX) được Bộ TT&TT thành lập. Điều này có nghĩa là sẽ có thêm kiểm soát an ninh bổ sung ở đầu dưới lên khách hàng sẽ bị bắt buộc điều hướng mạng lưới hiện tại qua VNIX nhằm mục đích đã nêu tại khoản 2 Điều 11. Tác động đối với các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài quan tâm đến việc lưu trữ khối lượng công việc của khu vực công là họ cũng sẽ phải đáp ứng nghĩa vụ quy định này sau đó.

Mặc dù vậy, các quy định về VNIX không rõ ràng. Chúng tôi đề xuất Bộ TT&TT làm rõ các quy định bắt buộc dự kiến, quy chuẩn kỹ thuật (chẳng hạn như quy chuẩn VNIX được lên kế hoạch nhằm đảm bảo suy giảm hiệu năng của mạng lưới ở mức tối thiểu trong trường hợp mạng viễn thông nội địa và nước ngoài gặp trục trặc và chuyển sang VNIX? Bộ TT&TT sẽ là người vận hành VNIX này hay sẽ được thuê cho một bên thứ ba?) cũng như phạm vi của VNIX đối với nhà cung cấp dịch vụ.

Hơn nữa, Chúng tôi khuyến nghị Bộ TT&TT/Chính phủ Việt Nam xây dựng chính sách hỗ trợ các cổng kết nối Internet và cổng quốc tế trong 4 lĩnh vực chính: (i) thỏa thuận kết nối, (ii) đồng địa điểm tại các trạm phát, (iii) dịch vụ kết nối và (iv) đảm bảo quyền truy cập tất cả đường truyền cáp. Sự rõ ràng về quy định cũng rất quan trọng đối với các nhà khai thác và nhà cung cấp dịch vụ Internet tại Việt Nam, đặc biệt là trong các khía cạnh như mạng kết nối trực tiếp (peering), chuyển tiếp và dung lượng quốc tế. Cuối cùng, một cổng quốc tế độc lập cần có sự đa dạng để có thể duy trì một hệ sinh thái Internet lành mạnh, cung cấp chất lượng truy cập Internet cao và đáng tin cậy, giảm chi phí mạng và duy trì vốn đầu tư.

Hơn nữa, chúng tôi khuyến khích Bộ TT&TT đảm bảo rằng VNIX mang tính trung lập và tạo điều kiện cho một ngành chuyển đổi công nghiệp (IX) mang tính cạnh tranh. Chúng tôi khuyến nghị Bộ TT&TT rút ra từ phương pháp thực hành tốt nhất do UNESCAP và Hiệp hội Internet (ISOC) phát hành để thiết lập các chính sách phù hợp, đồng thời tạo điều kiện cho môi trường pháp lý đối với ngành IX.

Theo Ủy ban Kinh tế và Xã hội của Liên hợp quốc về Châu Á và Thái Bình Dương (UNESCAP), cạnh tranh lành mạnh trên thị trường viễn thông trong nước và quốc tế, đặc biệt là thông qua nhiều cổng Internet độc lập, sẽ có những tác động tích cực đối với sự tăng trưởng của nền kinh tế số Việt Nam trong các khía cạnh sau:

- Chi phí băng thông quốc tế thấp hơn trong nước, bởi vì sự gia nhập của những nhà đầu tư mới vào thị trường, kéo theo các công ty đã và đang hoạt động trên thị trường cũng sẽ phải cải thiện chất lượng và tăng cường hiệu quả hoạt động.
- Giảm chi phí băng thông quốc tế cũng sẽ giúp giảm chi phí cho các dịch vụ bán lẻ băng rộng, kể cả băng cố định hay di động.
- Chất lượng dịch vụ tốt hơn cho người dùng cuối, vì sự cạnh tranh sẽ thúc đẩy các nhà điều hành cổng quốc tế nâng cao chất lượng dịch vụ của mình hơn so với khi độc quyền.
- Lượng nội dung được lưu trữ tại địa phương sẽ tăng cao, điều này sẽ cải thiện cả chất lượng dịch vụ cho người dùng cuối và giúp xây dựng một nền kinh tế lưu trữ và mạng kết nối trực tiếp lành mạnh trong nước.
- Ngành viễn thông sẽ được phát triển một cách năng động hơn, với nhiều thành phần trên thị trường và ưu đãi đa dạng hơn cho người dùng cuối, thu hút nhiều công ty đầu tư hơn, tăng nhu cầu về dịch vụ băng thông rộng và các dịch vụ sáng tạo.

Chúng tôi cũng khuyến nghị Bộ TT&TT tham khảo các khuyến nghị của Liên minh Viễn thông Quốc tế (ITU) và mô hình của Singapore trong việc phát triển một môi trường chính sách thuận lợi bằng cách cung cấp càng nhiều chính sách và sự minh bạch về quy định càng tốt nhằm

khuyến khích các chủ thể khu vực và quốc tế tham gia vào kết nối và mạng kết nối trực tiếp (peering) tại địa phương. Điều này sẽ thúc đẩy sự đa dạng của các cổng quốc tế độc lập, vốn được yêu cầu để duy trì một hệ sinh thái internet lành mạnh, truy cập internet chất lượng cao và đáng tin cậy, chi phí mạng thấp hơn và duy trì đầu tư.

Khuyến nghị: chúng tôi khuyến khích Bộ TT&TT mở rộng các hoạt động của VNIX để thúc đẩy sự cạnh tranh trên thị trường, tự do hóa ngành chuyển đổi công nghiệp (Industrial Transformation (IX) và cho phép khối tư nhân tham gia vận hành và quản lý VNIX. Chúng tôi kiến nghị Bộ TT&TT tham khảo các khuyến nghị của Liên minh Viễn thông Quốc tế (ITU) và mô hình tự do hóa các cổng quốc tế của Singapore.

5. Độ bao phủ quá rộng của Điều 22 gây ra sự không chắc chắn.

Điều 22, hiện đề cập đến việc cung cấp thông tin xuyên biên giới, đã mở rộng phạm vi các mục tiêu thực thi một cách đáng kể so với dự định trong lần ban hành trước đây của dự thảo sửa đổi Nghị định 72. Thực tế, tất cả các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân nước ngoài sẽ được đề cập trong điều khoản này.

Khuyến nghị: Chúng tôi khuyến nghị cân nhắc và tham vấn thêm với ngành công nghiệp để hiểu rõ hơn về các mục tiêu chính sách dự kiến của Bộ TT&TT nhằm đạt được các phương pháp tiếp cận phù hợp với mục đích. Điều này có thể bao gồm xem xét nâng ngưỡng Số lượng khách truy cập hàng tháng ở Việt Nam lên 1 triệu người, như đã được đề xuất trong các lần ban hành trước đây của dự thảo sửa đổi Nghị định 72. Hơn nữa, các tổ chức nước ngoài cung cấp thông tin kỹ thuật số trên các nền tảng quốc tế của họ nhằm mục tiêu đến đối tượng quốc tế (không nhằm mục tiêu cụ thể đến khách truy cập từ Việt Nam) nên được miễn trừ các yêu cầu này.

6. Điều 22, 23 – Các điều khoản về việc cung cấp thông tin xuyên biên giới (Điều 22) và về các trang thông tin điện tử (Điều 23) tương tự như điều kiện kinh doanh.

Các quy định tại khoản 3 Điều 22 và khoản 7 Điều 23 (liên quan đến tổ chức, cá nhân nước ngoài) quy định các quyền và nghĩa vụ cho các chủ thể này, nhưng thực chất là các điều kiện kinh doanh. Bộ TT&TT cần làm rõ vấn đề này, nếu đúng như vậy thì Bộ TT&TT phải làm rõ quy định tại 2 điều được áp dụng cho ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư 2020 trên.

Tuy nhiên, Phụ lục IV của Luật Đầu tư quy định danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện không được áp dụng đối với tổ chức và cá nhân nước ngoài cung cấp thông tin xuyên biên giới do không có ngành, nghề phù hợp để xác định hoạt động của loại hình tổ chức, cá nhân nước ngoài này.

Khuyến nghị: Chúng tôi khuyến nghị Bộ TT&TT rà soát chặt chẽ các quy định nêu trên cho phù hợp với các quy định của pháp luật cũng như với thực tế.

7. Điều 22, 23 - Quy định về đăng ký phát trực tiếp (livestream) tạo thêm gánh nặng hành về mặt hành chính cho người dùng trên mạng xã hội.

Việc cơ quan quản lý nhà nước nắm được thông tin liên hệ của các đối tượng livestream trên mạng xã hội là cần thiết. Tuy nhiên, các quy định được đưa ra trong dự thảo làm gia tăng

thêm các thủ tục hành chính, gây khó khăn cho người dùng khi thực hiện các buổi phát trực tiếp, bất kể mục đích. Quy định này cũng chông chéo về mặt quản lý nhà nước với các cơ quan khác khi mục đích của buổi phát trực tiếp liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau. Ví dụ: nội dung phát trực tiếp có thể bao gồm các lĩnh vực như: thương mại điện tử, tài chính ngân hàng, văn hóa và thể thao, y tế, giáo dục, v.v., mỗi lĩnh vực này thuộc thẩm quyền của một cơ quan khác nhau.

Khuyến nghị: Chúng tôi khuyến nghị Bộ TT&TT quản lý một cơ chế để người phát trực tiếp tiết lộ thông tin liên hệ của họ. Điều này sẽ giảm thiểu các thủ tục hành chính đối với người tham gia phát trực tiếp và chủ sở hữu mạng xã hội, tạo điều kiện và khuyến khích phát triển thương mại và nội dung số, đáp ứng nhu cầu của cơ quan quản lý nhà nước. Cơ chế này phù hợp và tuân theo tinh thần của Chính phủ trong việc thúc đẩy cơ chế quản lý có hiệu lực, đặc biệt khi hiện tại đang có hàng triệu người dùng phát trực tiếp.

8. Điểm c, khoản 3 Điều 22 - Cơ chế thỏa thuận hợp tác không nên bị ràng buộc bằng văn bản pháp luật và quy định hiện hành không rõ ràng.

Trong hệ thống pháp luật Việt Nam, thỏa thuận dựa trên ý chí tự do, không bị ép buộc bởi một cơ quan quản lý nhà nước nào theo tinh thần của Bộ luật Dân sự và Luật Thương mại năm 2005. Khi một bên vi phạm thỏa thuận, Luật Sở hữu trí tuệ đã quy định rõ cách xử lý. Do đó, việc thỏa thuận hợp tác với các cơ quan báo chí theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân nước ngoài, không phải là nghĩa vụ kinh doanh để một bên có thể cung cấp dịch vụ xuyên biên giới.

Ngoài ra, mặc dù Điều 37 Luật Báo chí có quy định về quan hệ đối tác trong hoạt động báo chí, nhưng các quy định của Luật cho phép các cơ quan báo chí thỏa thuận và thu được nguồn thu từ hoạt động này. Không bắt buộc một bên phải ký thỏa thuận với cơ quan báo chí.

Cuối cùng, phạm vi của điều luật này không rõ ràng và sẽ khó xác định cách tuân thủ. Đặc biệt về:

- Nên có loại thỏa thuận hợp tác nội dung nào;
- Các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài và cơ quan báo chí Việt Nam phải ký kết hợp đồng này ở mức độ / hoàn cảnh cụ thể nào;
- Mức độ “thông tin được trích dẫn” tạo ra yêu cầu này, việc chỉ ra URL liên kết đến các trang thông tin điện tử gốc có thể được coi là “thông tin được trích dẫn” không hay
- Có tồn tại các tiêu chuẩn cho hợp đồng này hay không;
- Không có định nghĩa thế nào là “cơ quan báo chí Việt Nam”, và điều này đề cập đến khu vực Nhà nước hay tư nhân.

Khuyến nghị: Chúng tôi đề xuất xóa bỏ các yêu cầu này vì tất cả các quy định liên quan đến bản quyền phải được đề cập một cách tập trung theo Luật Sở hữu trí tuệ và các quy định thực hiện.

9. Điểm d khoản 3 Điều 22 - Việc buộc các doanh nghiệp phải lưu trữ dữ liệu và mở văn phòng đại diện tạo thêm gánh nặng cho các doanh nghiệp và có thể ngăn các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư thêm vào Việt Nam.

Hiện nay, dự thảo Nghị định nêu rõ tại điểm d, khoản 3, Điều 22 quy định “Thực hiện việc lưu trữ dữ liệu và thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Luật An ninh mạng và các văn bản dưới Luật có liên quan”. Yêu cầu lưu trữ dữ liệu và thiết lập văn phòng đại diện này đặc biệt khó khăn đối với các doanh nghiệp xuyên biên mà sử dụng sức mạnh của Internet để đẩy lùi ranh giới và kết nối mọi người trên phạm vi toàn cầu. Điều này sẽ phản tác dụng và có nhiều tác động tiêu cực hơn những tác động tích cực, hạn chế các công ty nước ngoài đầu tư vào Việt Nam.

Các doanh nghiệp và người tiêu dùng trên toàn thế giới đang chịu sự tấn công thường xuyên từ tội phạm mạng ngày càng tinh vi và các cuộc chiến tranh trên không gian mạng do nhà nước bảo trợ. Để chống lại những mối đe dọa này một cách hiệu quả, các công ty bảo vệ dữ liệu người dùng và các thông tin quan trọng khác thông qua một mạng lưới rất nhỏ gồm các trung tâm dữ liệu toàn cầu và khu vực an toàn cao với đội ngũ các chuyên gia có kỹ năng đặc biệt đang khan hiếm nguồn lực trên toàn cầu. Các trung tâm này được trang bị cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin tiên tiến cung cấp dịch vụ tin cậy và an toàn xuyên ngày đêm. Việc tập hợp đội ngũ nhân viên có trình độ cao và trang thiết bị tiên tiến là một yếu tố quan trọng trong khả năng bảo vệ dữ liệu của các tổ chức khỏi các cuộc tấn công mạng ngày càng tinh vi. Việc buộc dữ liệu ở lại một quốc gia sẽ chỉ dẫn đến tăng chi phí, do nhu cầu mở nhiều trung tâm dữ liệu trong cùng một quốc gia đồng thời tạo ra thêm các điểm xâm nhập vào hệ thống công nghệ thông tin cho tội phạm mạng và làm giảm chất lượng an ninh mạng ở tất cả các cơ sở xung quanh thế giới. Đối với các nhà cung cấp dịch vụ xuyên biên giới quốc tế, có hàng tỷ người dùng trên khắp thế giới, hiện không thể tách dữ liệu của “người dùng ở Việt Nam” với dữ liệu của người dùng khác. Vì Internet và không gian mạng không có ranh giới nên việc xác định ai là “người dùng tại Việt Nam” giữa số lượng đáng kể người dùng trên toàn thế giới là rất khó khăn.

Hơn nữa, việc lưu trữ dữ liệu không khả thi về mặt kỹ thuật đối với các công ty cung cấp dịch vụ toàn cầu cho một nhóm người sử dụng toàn cầu. Điều này đi ngược lại cách thức hoạt động của Internet, nơi dữ liệu được trao đổi giữa mọi người ở các quốc gia khác nhau. Đối với các công ty toàn cầu, cơ sở hạ tầng (cả phần cứng và phần mềm) hoạt động như một hệ thống nhằm phục vụ người dùng. Dữ liệu người dùng được xử lý và lưu trữ trên các máy chủ trên toàn cầu - không phân biệt nguồn gốc địa lý của bất kỳ dữ liệu nào. Việc tách dữ liệu người dùng Việt Nam từ các quốc gia khác và không chuyển dữ liệu người dùng Việt Nam ra nước ngoài là không khả thi về mặt kỹ thuật, như yêu cầu của dự thảo quy định tại Nghị định 72. Một phần dữ liệu thường liên quan đến hoặc được chia sẻ giữa nhiều người dùng, có thể ở các địa điểm khác nhau. Sẽ không thể duy trì các dịch vụ toàn cầu nếu không có khả năng truyền dữ liệu xuyên biên giới. Việc tăng chi phí pháp lý cần thiết để giải quyết vấn đề lưu trữ sẽ làm giảm sức hút đầu tư vào Việt Nam một cách đáng kể.

Hơn nữa, quy định này đi ngược lại cam kết quốc tế của Việt Nam. Theo WTO, Việt Nam cam kết cho phép các dịch vụ khác nhau được cung cấp xuyên biên giới và cung cấp “đối xử quốc gia” đầy đủ cho các nhà cung cấp dịch vụ không đặt ở Việt Nam. Yêu cầu lưu trữ dữ liệu khiến việc cung cấp dịch vụ trên cơ sở xuyên biên giới trở nên khó khăn hơn hoặc không thể thực hiện được và tạo ra sự phân biệt đối xử giữa các nhà cung cấp dịch vụ xuyên biên giới và các nhà cung cấp được thành lập trong nước tại Việt Nam.

Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) cũng bao gồm các điều khoản cấm lưu trữ dữ liệu. Theo Điều 14.11 và 14.13 của CPTPP, một bên sẽ cho phép truyền dữ liệu xuyên biên giới và không yêu cầu các doanh nghiệp đặt các cơ sở máy tính trong lãnh thổ của bên đó như một điều kiện để kinh doanh. Chúng tôi lưu ý rằng Việt Nam đã bảo đảm lệnh tạm hoãn 5 năm liên quan đến Luật An ninh mạng và các Điều 14.11 và 14.13 của CPTPP, cùng với các điều khoản khác, chúng tôi kêu gọi Việt Nam nỗ lực hướng tới việc đáp ứng đầy đủ các cam kết CPTPP đúng hạn thay xa rời những cam kết này. Thay vì hạn chế các luồng dữ liệu và thêm các điều khoản thiết lập ranh giới nhân tạo trên Internet, các hiệp định thương mại thế hệ tiếp theo có các nguyên tắc để hỗ trợ luồng dữ liệu ngày càng hiệu quả và mở hơn.

Khuyến nghị: Chúng tôi khuyến nghị xóa bỏ các yêu cầu nêu trên. Có nhiều cách khác nhau để nhà cung cấp có thể tiếp cận với các cơ quan có thẩm quyền liên quan ở Việt Nam cũng như người dùng Việt Nam.

10. Điểm d khoản 3 Điều 22 - Yêu cầu thành lập một đơn vị chuyên xử lý các yêu cầu từ Việt Nam rất khó khăn.

Dự thảo nghị định yêu cầu các nền tảng xuyên biên giới bắt buộc phải có bộ phận chuyên trách xử lý các yêu cầu của cơ quan chức năng Việt Nam và khiếu nại của người dùng Việt Nam. Tuy nhiên, Dự thảo Nghị định 72 mới không quy định rõ những loại khiếu nại nào của khách hàng (ví dụ như liên quan đến nội dung hoặc dịch vụ bất hợp pháp, v.v.) được đưa vào phạm vi điều chỉnh của quy định này. Các nền tảng xuyên biên giới đã có các kênh/biểu mẫu có thể truy cập công khai nhằm nhận các khiếu nại của người dùng về các sản phẩm và dịch vụ của chúng tôi với các mục đích riêng cũng như các nhân viên cụ thể được giao nhiệm vụ xem xét các khiếu nại đó. Việc tổ chức nội bộ của các bộ phận hỗ trợ khách hàng trong các nền tảng xuyên biên giới tư nhân nên được để cho các công ty tư nhân đó xem xét, đặc biệt vì họ có thể cần tiếp tục tăng cường nỗ lực hỗ trợ khách hàng khi các dịch vụ hoặc tính năng mới được giới thiệu. Cuối cùng, dự thảo Nghị định mới nhất không chỉ rõ bộ phận chuyên môn phải ở trong nước, hoặc có thể ở nước ngoài. Chúng tôi cũng muốn làm rõ liệu quy định này có được áp dụng cho các quảng cáo không có những yêu cầu như trên trong Nghị định 70/2021/NĐ-CP về quảng cáo.

Khuyến nghị: Chúng tôi đề xuất loại bỏ các yêu cầu này khỏi dự thảo sửa đổi này hoặc ít nhất là làm rõ các yêu cầu đối với đơn vị chuyên môn và kết hợp đủ tính linh hoạt để các bên liên quan đang duy trì bộ phận hỗ trợ khách hàng sẽ không bị yêu cầu thành lập các bộ phận mới hoặc tham gia vào các công việc trùng lặp.

11. Điểm e khoản 3 Điều 22 - Việc yêu cầu các nền tảng giải quyết khiếu nại của người dùng sẽ là gánh nặng cho các nền tảng.

Khuyến nghị: Chúng tôi khuyến nghị Chính phủ duy trì các yêu cầu gỡ bỏ đối với nội dung bất hợp pháp đã được đưa vào trọng tâm và ban hành sau khi cơ quan có thẩm quyền xem xét kỹ lưỡng, điều này cũng có thể giúp ngăn chặn bắt nạt không lành mạnh trên Internet và giảm tải cho các nhà cung cấp dịch vụ nhằm tập trung vào các yêu cầu hợp lệ của chính phủ.

12. Điểm g khoản 3 Điều 22 - Các nền tảng không thể đảm bảo về mặt kỹ thuật rằng những người thực hiện phát trực tiếp đã đăng ký với chính quyền địa phương.

Điểm g, khoản 3, Điều 22 quy định rằng chỉ những tài khoản người dùng, trang cộng đồng và kênh nội dung tại Việt Nam đã thông báo thông tin liên hệ của họ với Bộ TT&TT mới được phép phát trực tiếp và tham gia vào các dịch vụ tạo doanh thu. Tuy nhiên, do lượng người sử dụng Internet quá lớn, việc hạn chế phát trực tiếp đối với những người đã đăng ký với chính quyền địa phương là không khả thi về mặt kỹ thuật. Chúng tôi mong các cơ quan chức năng thông báo cho chúng tôi về những tài khoản có thể vi phạm pháp luật.

Trách nhiệm mới này đặt ra một gánh nặng lớn và không thực tế đối với các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài. Một bên không bao giờ chịu trách nhiệm theo bất kỳ cách nào và không phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với nghĩa vụ tuân thủ quy định của một bên khác, đặc biệt điều đó trở nên bất khả thi một cách rõ rệt khi các nhà cung cấp nước ngoài được thành lập và hoạt động ở nước ngoài, theo thẩm quyền xét xử tại nước ngoài.

Phải nói rằng, cơ quan quản lý phải là cơ quan duy nhất có đủ năng lực, chức năng và quyền hạn để kiểm tra và chứng nhận việc người dùng có tuân thủ luật pháp tại địa phương hay không. Nhà cung cấp nước ngoài không bao giờ có thể đủ điều kiện để đảm nhận trách nhiệm có thẩm quyền như vậy cũng như không thể thay mặt cơ quan quản lý làm việc đó. Do đó, chúng tôi trì hoãn trách nhiệm tuân thủ đối với người dùng tại địa phương.

Khuyến nghị: Chúng tôi khuyến nghị loại bỏ quy định gây khó hiểu này vì nó sẽ tác động tiêu cực đến lợi ích và động cơ của các nhà cung cấp nước ngoài trong việc tiếp tục cung cấp dịch vụ cho khách hàng tại Việt Nam.

13. Điểm i khoản 3 Điều 22 và điểm a khoản 4 Điều 22 - Các yêu cầu về báo cáo đối với các doanh nghiệp xuyên biên giới không phù hợp với các thông lệ quốc tế.

Điểm a, khoản 4, Điều 22 yêu cầu thông báo vị trí đặt máy chủ, trong khi điểm i, khoản 3, Điều 22 quy định rằng các nhà cung cấp dịch vụ xuyên biên giới phải gửi báo cáo hàng năm (trước ngày 31 tháng 12) hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ TT&TT (ABEI), thường bao gồm các báo cáo sau các nội dung chính:

- Vị trí đặt máy chủ tại Việt Nam;
- Tổng số người dùng tại Việt Nam tại thời điểm báo cáo (tài khoản người dùng);
- Số lượng khách truy cập thường xuyên tại Việt Nam mỗi tháng (số lượng khách truy cập);
- Doanh thu tạo ra tại Việt Nam;
- Danh sách các khiếu nại liên quan đến nội dung của người dùng tại Việt Nam đã được nhà cung cấp dịch vụ xử lý;
- Số lượng nội dung vi phạm do nhà cung cấp dịch vụ xử lý.

Vì các nhà cung cấp dịch vụ ra nước ngoài không được thành lập trên lãnh thổ Việt Nam, các nhà cung cấp này không bắt buộc phải tiết lộ dữ liệu và doanh thu của họ cho chính quyền địa phương mà chỉ cần tuân thủ các quy định nghiêm ngặt trong phạm vi quyền hạn của họ. Đồng thời, các công ty toàn cầu phải tuân thủ các chính sách nội bộ nghiêm ngặt của riêng họ và

các thỏa thuận hợp đồng với khách hàng, bao gồm các chính sách khác liên quan đến tiết lộ thông tin nhạy cảm, quyền riêng tư và thông tin bí mật thương mại.

Đây không phải là một thông lệ phổ biến trên toàn thế giới và sẽ làm giảm đáng kể sự quan tâm của các tổ chức nước ngoài trong việc tích cực cung cấp các giải pháp, hỗ trợ hữu ích và hiệu quả cho các doanh nghiệp và người dùng địa phương. Nếu chính phủ đang tìm cách quy định người dân trong nước, các yêu cầu phải trực tiếp đề cập đến người dùng hoặc công ty địa phương, chứ không phải các nhà cung cấp dịch vụ ở nước ngoài. Phải nói rằng, một số thông tin có thể được tìm thấy trong các báo cáo được công bố trên toàn cầu của các công ty như báo cáo minh bạch về việc gỡ bỏ nội dung hoặc nỗ lực chống lại các nội dung về lạm dụng trẻ em. Các báo cáo như vậy được xuất bản bởi các nền tảng với dữ liệu theo từng quốc gia, hữu ích cho chính phủ, người dùng và các bên liên quan khác.

Khuyến nghị: Chúng tôi khuyến nghị bỏ các yêu cầu cung cấp thông tin từ các nhà cung cấp nước ngoài.

14. Điểm b khoản 5 Điều 22 - Yêu cầu gỡ xuống tùy ý trong 3 giờ và 24 giờ không thống nhất với các tiêu chuẩn toàn cầu và gây khó khăn cho các nhà cung cấp thông tin xuyên biên giới.

Trong dự thảo Nghị định hiện hành, Bộ TT&TT thiết lập khung thời gian 24 giờ để xử lý các vi phạm nói chung và khung thời gian 3 giờ để xử lý các vi phạm liên quan đến phát trực tiếp cho các nhà cung cấp thông tin xuyên biên giới. Đây là một quy định đặc biệt gây khó hiểu và không cân nhắc đến các khía cạnh hoạt động của các doanh nghiệp này.

Mặc dù chúng tôi, các thành viên của chúng tôi cam kết tránh và gỡ bỏ nội dung bị cấm, họ dựa trên sự kết hợp giữa đánh giá của máy móc và con người để cân bằng các hành động chính xác và nhanh chóng. Một số khiếu nại và yêu cầu gỡ xuống có thể phức tạp và phải mất thời gian để đánh giá kỹ lưỡng. Điều này có thể bao gồm các tình huống mà khiếu nại ban đầu có thể không cung cấp đủ thông tin và yêu cầu người khiếu nại theo sát thêm hoặc bối cảnh cụ thể của nội dung bị khiếu nại có thể cần được điều tra thêm.

Ví dụ như một số nội dung như video về các hoạt động thời chiến khi được trình bày với mục đích giáo dục hoặc tư liệu có thể mang lại lợi ích cho công chúng và không nên bị gỡ bỏ mặc dù người dùng có khiếu nại, tuy nhiên nội dung tương tự có thể hoàn toàn không phù hợp hoặc bất hợp pháp trong một video chiêu mộ của tổ chức khủng bố. Việc xác định cần sự cân nhắc kỹ lưỡng của con người để xác định xem nội dung có bất hợp pháp theo luật địa phương hay không; hoặc đơn giản là khó khăn trong việc đánh giá xem nội dung đó trong các trường hợp chúng ta phải đối mặt ngày nay có vượt qua ranh giới không phù hợp hay không, trong số các vấn đề khác; mỗi vấn đề có thể mất thời gian để giải quyết và chỉ có thể được đáp ứng bởi một yêu cầu linh hoạt. Ngoài ra, trên thực tế, thời gian quay vòng 48 giờ theo quy định tại Thông tư 38 có hiệu lực từ năm 2016 đã đặt ra những khó khăn và vướng mắc thực tế. Quy định không bao gồm các tình huống khi một lượng lớn nội dung (hàng trăm hoặc hàng nghìn) được gửi cùng một lúc.

Hơn nữa, các công ty thuộc mọi quy mô, lớn và nhỏ, đã thiết lập các quy trình gỡ bỏ để đảm bảo đúng thủ tục và các khiếu nại là chính xác. Các quyết định về nội dung được đưa ra tại trụ sở chính và yêu cầu sự phân tích và tham gia của nhiều bên liên quan. Giao tiếp với các đội quốc tế và chênh lệch múi giờ khiến việc gỡ bỏ trong thời gian 3 giờ hoặc 24 giờ là không khả

thi. Điều này đặc biệt đúng khi nội dung được lưu trữ ở nước ngoài có thể hợp pháp dưới thẩm quyền xét khác so với nơi đề nghị gỡ bỏ hoặc khiếu nại được ghi nhận.

Nhiều trang web thậm chí có thể không có tài nguyên để xử lý các yêu cầu gỡ bỏ trong khoảng thời gian này. Các nhà phát triển ứng dụng cũng có thể tiến hành các thay đổi để khắc phục tình trạng hoạt động bất hợp pháp. Do đó các nhà phát triển như vậy nên được tạo cơ hội để khắc phục thay vì gỡ bỏ ứng dụng của họ. Quyết định xóa trò chơi hoặc ứng dụng khỏi kho ứng dụng không thể bị coi nhẹ. Có rất nhiều điều cần cân nhắc đồng thời cần có nghiên cứu thực tế để giúp tất cả các bên đưa ra quyết định đúng đắn. Trong một số trường hợp khẩn cấp nhất định, chúng tôi đã và tiếp tục nỗ lực hết sức để đáp ứng các yêu cầu của cơ quan chính phủ trong thời gian sớm nhất có thể. Điều này chỉ có thể thực hiện đối với các trường hợp khẩn cấp, không áp dụng cho việc gỡ bỏ trên quy mô lớn.

Hơn nữa, Nghị định 70/2021/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 181/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật Quảng cáo quy định tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới phải xử lý quảng cáo vi phạm trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Bộ TT&TT. Như vậy, việc phát trực tiếp quảng cáo vi phạm sẽ chỉ bị áp dụng khung thời gian là 24 giờ, trong khi phát trực tiếp không có quảng cáo sẽ chỉ có khung thời gian xử lý là 3 giờ. Mặc dù bản chất của cả hai hành động này vẫn giống nhau, nhưng chúng có các mốc thời gian khác nhau, dẫn đến sự nhầm lẫn giữa các doanh nghiệp phải thực hiện các quy định này.

Một lưu ý liên quan, yêu cầu tiết lộ địa chỉ email của người khiếu nại không chỉ là sự vi phạm không thể xảy ra đối với quyền riêng tư dữ liệu cá nhân mà còn gây ra sự ức chế. Người dùng sẽ không được khuyến khích báo cáo nội dung bất hợp pháp, điều này có thể ngược lại với mục đích lập pháp của Nghị định 72. Yêu cầu 'tạm thời khóa' các tài khoản tái phạm cũng cần được làm rõ. Nếu mục đích lập pháp hướng đến việc các nhà cung cấp dịch vụ lưu giữ được thông tin của các tài khoản tái phạm, thì điều khoản nên được thu hẹp ở mức độ đó.

Khuyến nghị: Chúng tôi đề xuất nên kéo dài khoảng thời gian này và bổ sung quy trình khiếu nại, cũng như tạo môi trường mang tính hỗ trợ nhiều hơn cho người khiếu nại để đảm bảo biện pháp cuối cùng được thực hiện phù hợp với mục đích của Nghị định cũng như phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế như EU-GDPR và các thông lệ do chính phủ Singapore tuân thủ. Ngoài ra, chúng tôi khuyến nghị cung cấp thêm giải thích hoặc ví dụ về “lý do chính đáng” có thể được Bộ TT&TT chấp nhận cho việc không gỡ bỏ nội dung trong khung thời gian đã định. Sự rõ ràng về thuật ngữ này sẽ đảm bảo các doanh nghiệp hiểu rõ hơn về những rủi ro gây ra do những khó khăn về kỹ thuật và hậu cần trong việc gỡ bỏ nội dung trong một số tình huống.

15. Khoản 6 Điều 22 - “Doanh nghiệp cho thuê không gian lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam” chưa được định nghĩa.

Chúng tôi kiến nghị Bộ TT&TT làm rõ điều khoản này để đảm bảo rằng điều khoản này không áp dụng cho các nhà cung cấp dịch vụ điện toán đám mây, nhà cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu hoặc bất kỳ nhà cung cấp dịch vụ tương tự nào không có khả năng hiển thị nội dung của khách hàng được lưu trữ trên hệ thống của họ - và do đó không thể tuân thủ các nghĩa vụ mà Điều 22 dường như đang áp lên cho các doanh nghiệp như trên. Ngoài việc các nhà cung cấp dịch vụ đám mây thiếu khả năng hiển thị nội dung của khách hàng và việc báo cáo nội dung vi phạm cho Bộ TT&TT trong vòng ba giờ sau khi phát hiện là không thể, các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài không được đặt ở đúng vị trí để đánh giá tính hợp pháp của nội dung theo quy định của Việt Nam.

Khuyến nghị: Dự thảo nghị định này chứa nhiều nghĩa vụ mới liên quan đến dịch vụ đăng ký và duy trì tên miền. Chúng tôi mong muốn xác nhận rằng phạm vi của những quy định này không vượt ra ngoài phạm vi đăng ký hoặc dịch vụ tên miền .vn. Ngoài ra, chúng tôi yêu cầu làm rõ mục đích của "hồ sơ thông tin khách hàng" trong khoản 6 Điều 22.

16. Khoản 1 Điều 23 - Cần rõ ràng trong việc các mạng xã hội nước ngoài được loại trừ khỏi các yêu cầu cấp phép.

Trong điểm a, khoản 7, Điều 23 về cấp phép và quản lý mạng xã hội quy định rõ "việc quản lý mạng xã hội nước ngoài sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều 22 của Nghị định này" thì khoản 3, Điều 23 lại không nêu cụ thể việc mạng xã hội nước ngoài là trang thông tin điện tử không phải có giấy phép, tạo ra sự nhầm lẫn về việc liệu trên thực tế các mạng xã hội nước ngoài có phải tuân theo các yêu cầu cấp phép hay không. Chúng tôi hiểu rằng ý định của Chính phủ quy định các tổ chức nước ngoài sẽ không phải tuân theo các yêu cầu cấp phép tại khoản 1, Điều 23. Vấn đề này hiện chưa rõ ràng trong dự thảo và cần được làm rõ trong văn bản pháp luật.

Khuyến nghị: Chúng tôi khuyến nghị rằng khoản 1 Điều 23 quy định rõ ràng về việc các mạng xã hội nước ngoài sẽ được miễn các yêu cầu cấp phép.

17. Điểm d khoản 7 Điều 23 – “Doanh nghiệp cho thuê không gian lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam” chưa được định nghĩa.

Điểm d, khoản 7, Điều 23 của dự thảo Nghị định quy định rằng chỉ các mạng xã hội được cấp phép mới đủ điều kiện cung cấp dịch vụ phát trực tiếp hoặc dịch vụ tạo doanh thu. Có thể hiểu là bất kỳ tổ chức, doanh nghiệp nào (bao gồm cả cổng thông tin chuyên ngành) cung cấp dịch vụ phát trực tiếp phải có giấy phép mạng xã hội do Bộ TT&TT cấp. Điều này dường như không liên quan đến việc miễn giấy phép/yêu cầu giấy phép áp dụng cho cổng thông tin chuyên ngành như quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 23 đã được đề xuất sửa đổi. Trong đó có nội dung quy định “các trang web cung cấp các dịch vụ ứng dụng chuyên biệt không phải có giấy phép theo dự thảo Nghị định”.

Khuyến nghị: Để phù hợp với ý định điều chỉnh mạng xã hội và nhấn mạnh yêu cầu về giấy phép đối với vấn đề phát trực tiếp trên mạng xã hội, chúng tôi đề xuất sửa quy định trên thành: “Mạng xã hội cung cấp dịch vụ phát trực tiếp hoặc dịch vụ tạo doanh thu phải có giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành”.

18. Khoản 2 Điều 28 - Yêu cầu doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động phải có ít nhất một hệ thống máy chủ tại Việt Nam là không phù hợp với thông lệ quốc tế.

Khoản 2 Điều 28 trong dự thảo hiện hành nêu rõ, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động phải:

“2. Có ít nhất 01 hệ thống máy chủ đặt tại Việt Nam đáp ứng việc thanh tra, kiểm tra, lưu trữ, cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và giải quyết khiếu nại của khách hàng đối với việc cung cấp dịch vụ theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Yêu cầu này dẫn đến tình trạng bắt buộc trả lại sản xuất về nước khởi điểm của công ty và không phù hợp với thông lệ quốc tế. Việc lắp đặt máy chủ ở một quốc gia phải phụ thuộc vào điều kiện thị trường và nhu cầu đối với dịch vụ được cung cấp.

Khuyến nghị: Chúng tôi kiến nghị xóa bỏ khoản 2 Điều 28.

19. Điều 34d - nghĩa vụ của nhà cung cấp dịch vụ đối với nhà phát hành trò chơi điện tử trực tuyến.

Kiến nghị Bộ TT&TT làm rõ cách điều khoản này áp dụng cho các nhà cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu và điều khoản này ảnh hưởng đến Điều 44 như thế nào.

Việc tuân thủ quy định này sẽ yêu cầu (1) Các nhà cung cấp dịch vụ đám mây (CSP) phải biết khách hàng tuân theo luật pháp Việt Nam, đang kinh doanh xuất bản trò chơi và cần phải xin giấy phép và (2) CSP phải chủ động xác minh khách hàng có giấy phép hay chưa. Các nhà cung cấp dịch vụ đám mây không có khả năng hiển thị nội dung của khách hàng hoặc các yêu cầu quy định nào áp dụng cho khách hàng đó. Đây là lý do tại sao chúng tôi có nghĩa vụ trong Thỏa thuận khách hàng nêu rõ rằng khách hàng phải tuân thủ bất kỳ luật nào được áp dụng cho hoạt động kinh doanh đó. Chúng tôi không thể “chủ động từ chối, tạm ngừng hoặc ngừng kết nối với các nhà cung cấp trò chơi điện tử” để thực hiện các hoạt động nhất định (mà các nhà cung cấp dịch vụ đám mây không hề biết) mà không có giấy phép. Mục này cũng yêu cầu các CSP chủ động báo cáo các vi phạm về an toàn và bảo mật thông tin đã phát hiện cho chính phủ. Những trách nhiệm này phải thuộc về khách hàng và cơ quan quản lý có liên quan.

Khuyến nghị: Chúng tôi đề xuất sửa đổi Điều 34d để đảm bảo rằng các nghĩa vụ tuân thủ quy định tương ứng chỉ được áp dụng đối với các nhà cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử.

20. Điều 44 - Tránh đưa (Điều 44) hoạt động của trung tâm dữ liệu và dịch vụ đám mây ở Việt Nam vào phạm vi đề xuất của Nghị định 72 mà không có bất kỳ cơ sở chính sách rõ ràng hoặc lý do nào.

Mục tiêu chính đằng sau Điều 44 của Dự thảo sửa đổi hiện chưa rõ ràng và các yêu cầu về quy định mà Bộ TT&TT dự định đặt ra đối với các trung tâm dữ liệu và dịch vụ đám mây bằng cách mở rộng phạm vi của Nghị định 72 là gì. Sự không rõ ràng này sẽ tạo ra sự không chắc chắn đáng kể trong thương mại và có thể khiến các trung tâm dữ liệu và các nhà cung cấp dịch vụ đám mây (CSP) suy nghĩ lại về các khoản đầu tư thương mại của họ tại Việt Nam.

Việc thiết lập một cơ chế quản lý như vậy đối với các dịch vụ trung tâm dữ liệu sẽ làm giảm sự tăng trưởng và phát triển của các dịch vụ đám mây ở Việt Nam do: (1) tạo ra rào cản gia nhập không cần thiết; (2) gây ra một gánh nặng tuân thủ mới khác với và có thể đi ngược lại với các thông lệ khu vực và toàn cầu; (3) giảm cạnh tranh trên thị trường; và (4) ngăn chặn cả đầu tư nước ngoài và các cam kết xuyên biên giới. Tổng hợp lại, điều này sẽ tác động đáng kể đến các dịch vụ và sự đổi mới mà người dân, doanh nghiệp và chính phủ Việt Nam có thể sử dụng nếu không có những điều nêu trên.

Trước khi xem xét sửa đổi Nghị định 72, chúng tôi kêu gọi Chính phủ đối thoại với các ngành để hiểu rõ hơn về các mối quan tâm có thể cần đến sự can thiệp của cơ quan quản lý - và nếu có, liệu những mối quan tâm này có thể được giải quyết thông qua các phương pháp tự điều

chính hay không. Chúng tôi cũng khuyến khích Chính phủ tập trung vào việc thúc đẩy tăng trưởng và phát triển hoạt động của trung tâm dữ liệu và dịch vụ đám mây tại Việt Nam theo cách: (1) vẫn phù hợp với các cách tiếp cận toàn cầu về quy định của ngành trung tâm dữ liệu, không áp đặt các quy định dành riêng cho đám mây; (2) thúc đẩy chính sách "đám mây làm mặc định" hoặc "ưu tiên đám mây" cho các hoạt động công nghệ thông tin của chính phủ và khuyến khích áp dụng đám mây trong khu vực tư nhân; và (3) cho phép truy cập trong nước và quốc tế theo các điều khoản cạnh tranh.

Khuyến nghị: Chúng tôi khuyến nghị Chính phủ tiến hành đánh giá tác động với sự tham vấn của ngành công nghiệp cùng với các chuyên gia trong nước và quốc tế về sự cần thiết của việc điều chỉnh trung tâm dữ liệu và đám mây. Chúng tôi cũng đề xuất các sửa đổi đối với Nghị định 72 tiếp tục loại trừ các hoạt động của trung tâm dữ liệu và các dịch vụ đám mây khỏi phạm vi của Nghị định.

21. Điều 44c và khoản 2 Điều 44h - yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ viễn thông, internet và trung tâm dữ liệu yêu cầu khách hàng cam kết trong hợp đồng và chấm dứt dịch vụ với khách hàng vi phạm quy định hiện hành về bảo mật.

Việc chấm dứt hoặc ngừng các dịch vụ của trung tâm dữ liệu có thể sẽ có tác động tức thì và về mặt vật chất đối với khách hàng của chúng tôi. Các luật và quy định nên được thực thi bởi các cơ quan chính phủ, không phải bởi các nhà cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu, những người có thể ngừng dịch vụ dựa trên các điều khoản và điều kiện của họ. Các nhà cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu nên có sự linh hoạt trong các điều khoản và điều kiện hợp đồng của họ.

Khuyến nghị: Chúng tôi đề nghị loại bỏ cụm "Ngừng cung cấp dịch vụ đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về bảo mật thông tin" tại Điều 44c. Ngoài ra, chúng tôi yêu cầu làm rõ việc nhà cung cấp dịch vụ có thể căn cứ vào các điều khoản và điều kiện hợp đồng của chúng tôi để ngừng dịch vụ theo phán quyết của tòa án/quy trình pháp lý chính thức xác nhận rằng khách hàng hiện hành đã vi phạm luật hoặc quy định về bảo mật thông tin. Việt Nam không nên buộc nhà cung cấp dịch vụ ngừng cung cấp dịch vụ chỉ vì những cáo buộc hoặc ý kiến chủ quan rằng nhà cung cấp dịch vụ đã vi phạm các quy định.

22. Điều 44d về đăng ký kinh doanh trung tâm dữ liệu và Điều 44g về nghĩa vụ của nhà cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu.

Như đã thảo luận trong phần 4 ở trên, Việt Nam sẽ không thể thực hiện hiệu lực ngoài lãnh thổ của luật pháp Việt Nam đối với các công ty nước ngoài.

Khuyến nghị: Phù hợp với luật pháp toàn cầu về quyền riêng tư hoặc giao dịch điện tử, chúng tôi đề xuất rằng quy định và yêu cầu thông báo này chỉ nên áp dụng cho các tổ chức được hình thành hoặc công nhận dưới luật pháp Việt Nam.

23. Điều 44.h về nghĩa vụ của nhà cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu.

Đề cập đến lập luận chính nêu trên rằng các nhà cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu/đám mây không nên bị quản lý và không nên áp các nghĩa vụ quy định được liệt kê trong Điều 44h lên họ. Vì các nhà cung cấp dịch vụ đám mây không có khả năng hiển thị nội dung của khách hàng, nên việc phát hiện và ngăn chặn các hoạt động bất hợp pháp là không khả thi. Theo yêu cầu

của chúng tôi ở trên, chúng tôi yêu cầu làm rõ việc nhà cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu chỉ có nghĩa vụ ngừng dịch vụ sau khi nhận được phán quyết của tòa án xác nhận rằng khách hàng hiện hành đã vi phạm luật hiện hành. Quy định cũng không bắt buộc tổ chức, cá nhân phải thông báo cho tổ chức nước ngoài những thông tin mà họ cho rằng vi phạm pháp luật Việt Nam. Các tổ chức nước ngoài thường sẽ không thể thực hiện các thông báo như vậy, vì chúng có thể không có cơ sở hoặc dựa trên cách giải thích chủ quan hoặc không chính xác về luật pháp. Thay vào đó, các tổ chức, cá nhân cần gửi thông báo đến Bộ Thông tin và Truyền thông.

Khuyến nghị: Chúng tôi yêu cầu làm rõ mục đích của khoản 5 Điều 44.h: dựa trên mô hình trách nhiệm chung được giải thích ở trên, người dùng trung tâm dữ liệu/dịch vụ đám mây chọn nơi lưu trữ hoặc chuyển dữ liệu/nội dung của họ. Các nhà cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu không có quyền kiểm soát nó: nội dung của khách hàng của họ thường không được chuyển ra nước ngoài mà không có quyết định và sự đồng ý của khách hàng. Điều khoản này không phù hợp với Điều 44.g về việc thừa nhận các dịch vụ dữ liệu xuyên biên giới. Do đó, chúng tôi đề nghị xóa quy định này (khoản 5 Điều 44.h) khỏi dự thảo Nghị định.



September 1, 2021

His Excellency Nguyễn Mạnh Hùng
Minister of Information and Communications
18 Nguyen Du, Hanoi, Vietnam

Re: Draft Amendments to Decree 72/2013/ND-CP

Your Excellency:

On behalf of the membership of the American Chamber of Commerce in Hanoi (AmCham) and the U.S. Chamber of Commerce (Chamber), we offer our warmest greetings and thank you for your commitment to improve business conditions in order to strengthen the private sector and promote economic and social development in Vietnam.

AmCham is a leading business voice on digital economy policy, including on issues of e-commerce, cybersecurity, data privacy, and digital trade. The U.S. Chamber of Commerce (Chamber) Commerce is the world's largest business organization representing companies of all sizes across every sector of the economy. In the United States and around the world, the Chamber is also a leading business voice on digital economy policy. AmCham and the Chamber applaud the effort to amend Decree 72/2013/ND-CP and Decree 27/2018/ND-CP to address the changes and challenges that digital transformation brings. Specifically, we welcome the effort to ensure that provisions in the Decree are both practical and enforceable.

We are concerned that draft amendments include new regulatory requirements that are not feasible, enforceable, or consistent with Vietnam's international trade commitments. In this regard, we submit the attached comments and recommendations.

Thank you in advance for your consideration. Our collective membership places great importance on engagement with the government and we believe that robust dialogue between the government and the private sector helps address challenges and lead to optimal public policy outcomes.

Respectfully Yours,

Adam Sitkoff
Executive Director
American Chamber of Commerce in Hanoi

John Goyer
Executive Director, Southeast Asia
U.S. Chamber of Commerce

cc: H.E. Trần Văn Sơn, Minister and Chairman of the Government Office

GENERAL COMMENTS

1. Data localization is detrimental to the digital economy.

Enabling the free flow of data across borders is crucial for ensuring that Vietnam meets its strategic economic policy goal of becoming a \$52 billion digital economy by 2025. However, Article 44.h.5 of the proposed draft amendments to Decree 72 (Draft Amendments) is inconsistent with this goal as it would effectively ban data centers from transferring any customer data across borders, even where the customer has requested the transfer. Article 22.3.d also requires cross border information provision firms to localize data required by Article 26.3 of the Law on Cybersecurity.

Restrictions on the ability of customers to transfer data overseas fail to account for the practical realities of the digital economy and could lead to unintended consequences, including the following:

- a. Significant disruption to existing business processes and limiting the ability of Vietnamese businesses and multinationals operating in Vietnam to service domestic and international customers.

Many Vietnamese enterprises and startups currently rely on offshore ICT services to: (1) improve security; (2) ensure quality control; and (3) access the most innovative services in data analytics, machine learning, and Internet of Things. The restrictions in Article 44.h.5 of the Draft Amendments will cut Vietnamese companies off from the services that they are already using to serve both Vietnamese and international customers. This will cause significant service disruption and could destroy entire business models, especially given that many SMEs and start-ups are only beginning to recover from the impact of COVID-19 on their businesses.

Compliance with Article 22.3.d. would require significant up-front costs for foreign and local companies of all sizes to purchase and install hardware and software and comply with increased regulatory expenses. Requirements to store data locally will serve as a barrier to market access for foreign firms, impacting all sectors of the economy, including cloud computing, financial services, healthcare, agriculture, and manufacturing. The requirement would create considerable administrative, technical, and financial burdens for all parts of the economy as data localization measures disrupt business operations by raising the cost of operating in Vietnam, and limit the availability of digital and digitally enabled products and services.

Similarly, multinationals across all sector verticals rely on these ICT service providers, whether for data storage services in Vietnam or to reduce latency to customers. For many of these entities, the majority of their data processing and advanced analytics occurs offshore due to cost efficiencies and service improvement insights made possible through data aggregation. Therefore, if the restrictions to cross border data flows are enacted as law, multinationals providing digital services would be unable to continue operating in Vietnam as their data center service providers would be prevented from transferring

customer data outside of Vietnam. This would make Vietnam a significantly less attractive country for investment and may result in reversal of existing foreign direct investment in Vietnam across all sector verticals.

b. Undermining privacy and security.

Data security does not generally depend on where the data is stored but rather, on the technical, operational, and managerial practices implemented to secure the data. Data localization is counterproductive to data protection objectives as it may result in fewer choices for data subjects, if it is too costly or commercially impractical for service providers to offer services within a country. Companies that are subject to data localization requirements may be prevented from accessing innovations in other countries and isolated from customers in other markets, while facing higher costs of doing business. These effects are most pronounced for domestic start-ups and traditional brick-and-mortar companies undergoing digitalization as many such companies depend on access to low-cost cloud storage and computing services. In short, imposition of data localization requirements would be contrary to promoting the goals of digital transformation and development of the digital economy in Vietnam.

Further, requiring data storage in a centralized - and therefore more accessible - location leaves the networks and data more vulnerable to intrusion and exfiltration by malicious or unauthorized third parties. Data localization also decreases the resiliency of tech-dependent services in the event of a network disruption such as natural disaster or power outage.

Where no data localization mandates exist, tech-dependent businesses can take advantage of cloud storage solutions that allow affordable and scalable ways to deploy the latest technology and tools across the network to make it secure, and to decentralize where sensitive or personal data are stored ensuring greater difficulty for malicious actors to find and access the data.

Recommendation: *To minimize the inconvenience and compliance burdens for businesses operating in Vietnam and to promote development of Vietnam as an attractive tech investment hub, we recommend the Government of Vietnam (GVN) and/or the Ministry of Information and Communication (MIC) remove Article 22.3.d and Article 44.5.h from the Draft Amendments and more broadly, encourage the free flow of data across borders. As an alternative to data localization requirements, GVN/MIC may consider putting in place guidelines to facilitate data transfer in a safe and secure manner, such as recognizing internationally reputable third-party data security, privacy, and information management certifications (e.g. ISO).*

2. Local presence requirements are unnecessary and may negatively impact Vietnam's competitiveness.

Online service providers can maintain open communication channels with the Government - as well as consumers - to address regulatory issues and respond to feedback without the need for a branch or representative office in Vietnam. Across many countries including Vietnam, there have been positive signs that regulations are evolving to recognize this unique aspect in cross-border digital services. For example, the recently proposed revisions to Vietnam's

Law on Tax Administration would allow offshore companies to remit taxes without establishing a permanent entity in Vietnam.

We recommend that the Draft Amendments should adopt the same approach and should remove local presence requirements which are not in line with international best practices. Requiring a local presence could also produce unintended negative consequences, including placing Vietnam at a competitive disadvantage to other countries and hindering investments into Vietnam due to the additional burden and costs of doing business required to establish a local presence in Vietnam.

Recommendation: *We recommend that MIC remove the regulation on local presence requirement from this draft Decree.*

3. MIC should adopt a differentiated approach in regulating the wide range of social media services.

The definitions in the Draft Amendments should recognize that there are many different types of social media services and that blanket regulation is neither necessary nor pragmatic. Social media services differ significantly in terms of target audience, type of content, and features. For example, many social media services which focus on particular interests (e.g. graphic design, gaming, books) do not have journalistic intent or features and so, should not be regulated in the same way. Some of these specialized social media services may not even need to be regulated as they have operated for years without posing any regulatory risk or issues.

Recommendation: *Instead of the current proposal, which uses the same broad strokes to regulate virtually all domestic and cross-border social media services, we recommend that MIC adopt a differentiated approach which excludes the aforementioned specialized social media services.*

4. Recognize the Shared Responsibility Model for business-to-business (B2B) customers and regulatory approach to Cloud Computing.

It is inappropriate to include data centers and cloud services within the scope of Decree 72 as Decree 72 is intended to address consumer protection and content regulation issues related to business-to-customer (B2C) business models, rather than B2B. When considering B2B regulatory models, laws must recognize the 'shared responsibility' between a service provider and its business customers. For example, in the cloud computing context, a shared responsibility model is used to distinguish between the cloud provider's responsibility to provide and maintain the underlying infrastructure and the customer's responsibility for using the infrastructure, including the deployment of applications on that infrastructure. We believe this model should also be applied in the context of Decree 72 and that customers should be the ones responsible for choosing the services that they use, integrating those services into their IT environment, deploying the applications, and complying with applicable laws and regulations.

The proposed obligations for data center services providers in Articles 44c and 44h.2 (i.e. contractual requirements and requirement to stop services in case of violations) and Article

44h.1 (technical solutions and reporting of violations) of the Draft Amendments should therefore apply to cloud users/customers and not to CSPs.

Recommendation: *We recommend that GVN/MIC revise Article 44 to exclude data center and CSPs from the scope of these proposed amendments to ensure that the obligations are placed on the most appropriate party and are consistent with proposals in the previous sections of the Draft Amendment.*

5. Extraterritorial application of laws (e.g., Articles 22.7, 44.d, 44.g).

It would not be practicable for Vietnam to extend its powers extra-territorially as enforceability against offshore organizations is often challenging. In addition, extra-territorial laws could create conflicting and overlapping regulatory obligations that could increase the costs and complexity of compliance for offshore organizations and ultimately, detract from the objective of these regulations. We propose that the Decree's requirements should apply only to entities formed or established under the laws of Vietnam as this is in line with global laws on privacy or electronic transactions. In addition, we recommend that foreign organizations providing digital information on their international platforms targeting an international audience (not specifically targeting visitors from Vietnam) should be exempt from these requirements.

The Decree should not obligate organizations and individuals to notify foreign organizations of information that they believe violates Vietnamese law. Offshore organizations would often be unable to act on such notifications, as they may be unfounded or based on a subjective or erroneous interpretation of law. Instead, organizations and individuals should only direct such notices to the MIC. This should not provide an individual or organization the right to sue if they believe violating information "might" affect their rights.

In addition, the measures introduced in a number of provisions will also shift responsibility from local users and authorities to cross-border platforms or require compliance with local legislation. In particular, the draft decree requires that cross-border platforms:

- **Only allow live stream and monetization for accounts registered with MIC.** This new responsibility imposes an undue and impractical burden on foreign service providers, **to be liable for users' regulatory compliance.** We believe that it is the responsibility of the account/page/channel owners to comply with local regulations while the offshore providers are incorporated and operating overseas pursuant to foreign jurisdiction. If these accounts violate local laws, we rely on local competent authorities to alert us of these violations pursuant to the local regulations.
- **Submit an annual report to MIC and ad hoc report upon MIC's request.** Offshore service providers not incorporated in Vietnam, are obliged to comply with the strict regulations within the jurisdiction where they are incorporated including international data protection and privacy laws. At the same time, companies must adhere to their own strict internal policies and the requirements set out in contractual agreements with its customers. Such internal policies and contractual requirements include policies related to the disclosure of sensitive information, user privacy and the protection of confidential business information. Therefore, it is impossible and impractical for offshore service providers to disclose such data and information to the local authorities.

Recommendation: *We recommend that MIC reviews these requirements to ensure that there is no extra-territorial application of law.*

6. The registration and licensing regime for the electronic gaming industry is still burdensome, especially for startups.

Draft Decree 72 still features stringent requirements for game service providers to qualify for license application. In particular, there are additional requirements related to organizational, human resources, and technical (e.g., personal data storage standards) aspects of the G1, G2, G3, and G4 game service providers (Article 32d, Article 33) as outlined below:

- We note that G2, G3, and G4 game service providers are not subject to as many requirements as those of G1 game service providers, but similar stringent requirements are imposed on all game service providers. Many G2, G3 and G4 games are created by startups and smaller enterprises, individuals or non-profit organizations who may not have the resources to comply with requirements provided under the Draft Decree. As such, we believe that stringent requirements may undermine creativity and innovation in the gaming industry in Vietnam.
- Moreover, as physical borders for mobile game distribution do not exist, licensing requirements should be simplified to make it feasible for global developers to comply with, thus strengthening the possibility to enforce these rules. Global game developers should also be allowed to distribute their games in Vietnam.
- Furthermore, the providers of G4 games, which are downloaded from the Internet without the interaction among players and between players and the game server, would unlikely collect personal information of the game players. Therefore, it would be overly stringent and cumbersome to require G4 game service providers to justify their capacity to store players' personal information. As such, we hope that the MIC will reconsider the imposing of such requirements to lessen the burden of online game providers looking to distribute games in the Vietnamese market.
- Last but not least, the timeline for MIC's appraisal for G1 video games is 25 days and G2, G3, G4 video games is 20 days. As the apps market is competitive and fast moving, a lengthy timeline for review and appraising apps and games will hinder business competitiveness and hamper the development of apps/game developers.

Recommendation: *We recommend that MIC reviews the regulation on online gaming to ensure a fair and supportive environment for the gaming industry.*

7. The current draft Decree lacks an appeal mechanism for foreign information providers.

The current framework does not lay out an appeal mechanism for users or foreign information providers to dispute whether content does in fact violate Vietnam laws. Many of the provisions within Article 5.1 are vague and leave too much room for interpretation. Furthermore, there is no guidance on how to interpret these provisions, and the generality of these provisions can lead to arbitrary application by law enforcement authorities. When there

is an ambiguity over whether content violates Article 5 Clause 1 (Article 5.1), it would be unfair to penalize a user or a foreign information provider for that content.

Moreover, Article 22.6.b.(i) stipulates that within three hours of receiving MIC's requests, telecommunication enterprises must "implement the technical solutions necessary to block access/visits to violating contents, services or online applications" (i.e., block access to such infringing information). Such a short timeframe, combined with a vague definition of what constitutes "violating contents, services or online applications" as described above, effectively ties the hand of foreign cross-border information providers, leaving them with no choice other than to adhere to MIC's numerous takedown requests without any clear explanation on the illegality of such content, making it extremely difficult for foreign cross-border information providers to conduct the necessary due diligence they are obliged to do under international legal frameworks before complying with such requests, leaving them with no choice other than to adhere to MIC's numerous takedown requests without any clear explanation on the illegality of such content. Therefore, in order to protect the right of foreign cross-border information providers, an appeal mechanism is critically needed to allow companies to seek redressal in situations where there is ambiguity over whether content violates local law.

We propose an exchange of information mechanism between foreign cross-border information providers and MIC. Nevertheless, it is truly probable that there is content so damaging, such as those that may lead to imminent harm to lives or cause immediate injury, that their instant removal is imperative. In that case, MIC may consider to have a clear definition and description of such content in a legal document to prevent any abuse of the law. In practice, for this information, MIC may consider notifying the foreign cross-border information provider about this horrendous content and request its removal, and the provider would be required to have them removed as expeditiously as possible, and review and take appropriate action on all other categories of contents in a timely manner.

Recommendation: *We recommend that MIC review and include an appeal mechanism.*

8. The current draft Decree lacks consistency with other legislation.

The draft decree has added new provisions already covered in other existing or draft legislation, creating confusion on how the laws below and the draft Decree are intended to function in parallel. For example:

- The Law on Cybersecurity ("LOCS") and its draft guiding decree has provisions on content restrictions and takedown requests from relevant authorities (mainly MPS and MIC), which overlap with the current provisions under Decree 72.
- The Law on Intellectual Property 2005 (amended 2009) and its guiding Decree 128/2018/ND-CP regarding content in the press that violate the Intellectual Property law.
- The draft decree on data protection contains provisions on data privacy protection that contradict those related in this draft amendment.

Any proposed amendments to Decree 72 should aim towards a consistent and effective approach which aligns with the existing Law of Cybersecurity and its draft implementing

Decree, the Law on Intellectual Property and its guiding Decree, as well as the draft Personal Data Protection Decree.

At the same time, the draft Decree has incorporated many provisions from Circular No. 38/2016/TT-BTTTT regulating the provision of cross-border public information.

Recommendation: *We request additional clarification on the expected scope and/or framework for the future Circular that will replace Circular 38.*

COMMENTS ON SPECIFIC CLAUSES

1. Article 3.29 - The definition of “cross border information provision” goes against the limitless nature of the Internet.

Recently, the Vietnamese legal system has started to recognize the "unlimited" nature of people's social behavior in cyberspace in terms of space and time. However, Article 3.29 stipulates: "an organization or individual abroad using a website, social network, online application, search services and other similar tools online for information providing that users in Vietnam have access to or use services of".

One of the primary benefits of the internet is the limitless characteristic in terms of territory, the richness of information that everyone with an internet connection can access from any geographical location. Information providers have no control over who will use the information posted on their network. Therefore, when using the rationale that information provided on the Internet may have a negative impact on domestic users, organizations and individuals to requires information providers to control the provision of cross-border information, the Government must establish clear control objective, have a concrete rationale for the impact, and must demonstrate that the provision of such provision is aimed at the Vietnamese market and an impact on large enough number of Vietnamese users.

Recommendation: *We recommend MIC review this definition to ensure the limitless nature of the Internet.*

2. Article 3.32 - The definition of app store place too many responsibilities on the owner of the app store, which should be placed on the app developers.

Within the current draft, the definition of app store is such: “App store means a website or an online application used for uploading, distributing, installing and updating computer software and online applications”. This definition does not express the nature of an “app store”, which is an intermediary service, where app developers may reach app users, with or without a fee. This is important for determining the parties’ responsibilities for the “apps” that are available on these “stores”.

Furthermore, if this app store is simply a website, per the definition of a website in the Law on Information Technology (“Website means a website or a collection of websites in the cyberspace, for the supply and exchange of information.”), it can only serve the supply and exchange of information, and cannot be assumed to have any commercial feature or any other feature, unlike an e-commerce platform.

In addition, defining an “app store” as a place where software is uploaded, distributed, installed and updated is incorrect. If passed as is, this regulation will place the liability for the apps on the app store owner, as the app store owner will be construed to be the one who distributes, installs and updates the apps, not the developer. This new requirement is inconsistent with international practices in Europe, US and Asia. We would like to reiterate that while companies ensure the integrity of Apps, according to the international legal practices it is the responsibility of the Developer to comply with the regulations of the country in which they conduct business. Further, given the sheer number of apps submitted on a weekly basis, it is impossible for App Stores to enforce every country’s regulation.

Recommendation: *We recommend deleting expansive definitions from the Draft Decree.*

3. Article 5 – The list of prohibited acts is non-exhaustive.

This new Draft Decree has increased prohibited acts in Article 5.1 by supplementing and specifying a number of prohibited acts which make the list of prohibited acts non-exhaustive:

- Impersonate other organizations and individuals; spread and circulate fake news and/or false information that cause confusion among the people, damage to socio-economic activities, difficulties to the operation of State agencies or official duty performers, and/or violate the lawful rights and interests of other agencies, organizations and individuals;
- Information affecting normal physical and mental development of children;
- Information infringing upon the intellectual property rights of other organizations and/or individuals;
- Stealing or obtaining personal information of citizens by illegal means; Unauthorized sale or provision of citizens' personal information to others; and
- Other prohibited acts as prescribed by law.

The non-exhaustive prohibited acts list poses significant enforcement difficulties, given that each legislative regulation has its own classification of what is determined as banned or violating. For example, there are lists of prohibited acts/violations under IP Law (Article 28 & 35), Children Law (Article 6) and LOCS (Article 8). It is also noted that there are both similarities and discrepancies of prohibited acts between Decree 72 and LOCS. Such discrepancy will cause confusion amongst relevant stakeholders as both legislative documents regulate online contents and activities on cyberspace.

Recommendation: *We recommend that the Government review the list of prohibited acts in Decree 72 and elsewhere in Vietnamese law and make it an exhaustive list of prohibited acts included in a single legal document, thus creating an accurate reference for stakeholders and more effective enforcement.*

4. Article 11.2, 11.3 - The regulatory regime surrounding Vietnam National Internet Exchange is unclear.

The draft Decree mandates that the National Internet Exchange (VNIX) is to be established by MIC. This implies that there are additional security controls downstream on how customers will be obligated to route their existing network traffic through VNIX for the purposes stated in Article 11.2. The impact to foreign service providers who are interested in hosting public sector workloads is that they will also have to meet this regulatory obligation subsequently.

However, the regulatory regime surrounding VNIX is unclear. We recommend further clarification from MIC on the expectations, intended regulatory obligations and the technical specification (e.g., is the VNIX specification planned to ensure minimal network performance degradation in situations when domestic and foreign telecom networks malfunction and switch to VNIX? Is MIC operating this VNIX or is this going to be contracted to a third-party vendor?) and scope of VNIX on foreign service providers.

Moreover, we would encourage MIC/GVN to develop policies to support internet gateways and international gateways in 4 main areas: (i) interconnection agreements, (ii) co-location at the landing stations, (iii) connection services and (iv) assuring access to all cables. It is important that there is regulatory clarity that is being provided for operators and internet service providers in Vietnam, especially in aspects such as internet peering, transit and international capacity. Ultimately, a diversity of independent international gateways is required to maintain a healthy internet ecosystem, reliable and high-quality internet access, lower network costs, and continued investments.

Moreover, we encourage MIC to ensure that the VNIX is neutral and enabling a competitive IX industry. We recommend MIC/GVN draw from the best practice framework released by UNESCAP and the Internet Society (ISOC) in setting up the right policies and enabling regulatory environment for the IX.

According to UNESCAP, healthy competition in the local and international telecommunications market, especially through multiple independent internet gateways, will have the following impact on the growth of Vietnam's digital economy:

- A lower cost of international bandwidth in the country, due to the entrance of new players to the market, as well as subsequent pursuit of operational efficiencies from the incumbent operator.
- A lower cost of retail broadband services, whether fixed or mobile, following the cost reduction of international bandwidth.
- A better quality of service for end users, because the competition would push the operators of international gateway to improve the quality of their services, compared to a monopoly situation.
- More content hosted locally, which would improve both the quality of service for end users and help build a healthy hosting and peering economy in-country.
- A more dynamic telecommunications sector, with more diverse players and offers for end users, more investment from players, more demand for broadband services and more innovative services.

We also recommend that MIC refer to the International Telecommunication Union's (ITU) recommendations and Singapore's model in developing an enabling policy environment by providing as much policy and regulatory transparency as possible to encourage regional and international entities to participate in the local interconnection and peering. This will help develop a diversity of independent international gateways which is required to maintain a healthy internet ecosystem, reliable and high-quality internet access, lower network costs, and continued investments.

Recommendation: *We encourage MIC to open VNIX services for competition, liberalize IX industry, and allow private industry participants to operate and manage VNIXs and welcome MIC/GVN to draw from International Telecommunication Union's (ITU) recommendations and Singapore's model for liberalizing international gateways.*

5. Extremely broad coverage of Article 22 gives rise to uncertainty.

Article 22, which now deals with cross-border provision of information, has vastly enlarged the scope of enforcement targets relative to what was intended by the previous iteration of Decree 72 draft amendments. Practically all foreign organizations, enterprises and individuals would be covered by this article.

Recommendation: *We suggest further deliberation and consultations with the industry to better understand MIC's intended policy objectives with a view to arriving at purpose-fit approaches. This could include an upward review of the threshold of monthly Unique Visitors (UV) in Vietnam to 1 million people, as was suggested in earlier iterations of Decree 72 draft amendments. Further, foreign organizations providing digital information on their international platforms targeting an international audience (not specifically targeting visitors from Vietnam) should be exempt from these requirements.*

6. Article 22, 23 - The provisions on providing cross-border information (Article 22) and on websites (Article 23) are akin to business conditions.

The provisions in Article 22.3 and Article 23.7 (concerning foreign organizations and individuals) provide the rights and obligations for these entities, but they are in fact business conditions. MIC must clarify whether this is the case, and if so, MIC must clarify that the provisions of the above 2 articles are applied to which conditional business lines under the provisions of the Law on Investment 2020.

However, Appendix IV of the Investment Law stipulating the list of conditional business lines cannot be applied to foreign organizations and individuals providing cross-border information, because there is no relevant business line that can be used to define the activities of this type of foreign entities.

Recommendation: *We recommend that MIC review the above-mentioned provisions closely in order to conform to other laws and regulations as well as with reality.*

7. Article 22, 23 - Regulation on livestreaming registration creates further administrative burdens for users on social network.

It is necessary for state management agencies to possess the contact information of livestreaming subjects on social networks. However, regulations as set out in the draft increase administrative procedures, making it difficult for users to conduct livestreaming sessions, whatever their goals may be. This regulation also overlaps in terms of state management with other agencies when the purposes of the livestreaming session involve many different sectors. For example, livestreaming content can include areas such as: e-commerce, finance and banking, culture and sports, healthcare, education, etc., each of which is under the jurisdiction of a different agency.

Recommendation: *We recommend that MIC administer a mechanism for livestreaming users to disclose their contact information. This would minimize administrative procedures for livestreaming participants and owners of social networks, facilitate and encourage the development of commerce and digital content, and meet the needs of state management units. This mechanism is appropriate and follows the Government’s spirit in promoting ex-post regulatory mechanism, especially given the millions of current livestreaming users.*

8. Article 22.3.c – Cooperation agreement mechanism should not be mandated by legal document, and the current regulation is unclear.

In the Vietnamese legal system, an agreement is based on free will, not forced by a certain state management agency by law, according to the spirit of the Civil Code and the 2005 Law on Commerce. When a party violates the agreement, the Intellectual Property Law clearly stipulates how to handle it. Therefore, cooperation agreement with press agencies under the provisions of the Intellectual Property Law is the right of foreign organizations and individuals, not a business obligation so that one may provide cross-border services.

In addition, although the Press Law contains Article 37 on partnership in press activities, the Law's provisions allow press agencies to negotiate and obtain revenue from this activity. It does not forcefully mandate that a party must sign an agreement with a press agency.

Lastly, the scope of this article is unclear and would be difficult to determine how to comply. Specifically:

- What type of content cooperation agreement should be in place;
- To what extent/specific circumstances the offshore providers and Vietnamese press agency must enter into this contract;
- What level of “information cited” triggers this requirement, whether indicating the URL to link to the original websites can be consider “information cited”, or
- Whether there are other qualifications for this contract;
- There is no definition of what is called “Vietnamese press agency”, and whether this refers to the State or private sector.

Recommendation: *We recommend removing these requirements as all copyright related regulations should be centrally covered under the Intellectual Property Law and its implementation regulations.*

9. Article 22.3.d - Forcing firms to store data and open representative offices create more burden for firms and may discourage foreign firms from further investing into Vietnam.

Currently, the draft Decree states in Article 22.3.d that “Store data and set up a branch or representative office in Vietnam in accordance with Clause 3, Article 26 of the Law on Cyber Security and relevant documents under the Law”. This requirement to store data and set up representative office is particularly onerous for cross-border enterprises, utilizing the power of the Internet to push back boundaries and connect people on a global scale. It would be counterproductive, have more harmful impacts than positive ones, and may discourage foreign companies from investing in Vietnam.

Businesses and consumers across the world are under frequent attack from increasingly sophisticated cyber criminals and state-sponsored cyber warfare. In order to effectively defend against these threats, companies protect user data and other critical information via a very small network of highly secure regional and global data centers staffed with uniquely skilled experts who are in scarce supply globally. These centers are equipped with advanced IT infrastructure that provides reliable and secure round-the-clock service. The clustering of highly qualified staff and advanced equipment is a critical factor in the ability of institutions to safeguard data from increasingly sophisticated cyberattacks. Forcing data to remain in one country would only lead to increased costs, due to the need to open up multiple data centers in the same country, and create additional entry points into IT systems for cyber criminals and reduce the quality of cybersecurity in all facilities around the world. For international cross-border service providers, which have billions of users all over the world, it is not currently possible to separate the data of the “users in Vietnam” from other users’ data. Because the Internet and cyberspace have no boundaries, it will also be challenging to determine who are the “users in Vietnam” among the significant number of users all over the world.

Data localization is not technically feasible for companies providing global services to a set of global users. It goes against how the internet works, where data is exchanged between people in different countries. For global companies, infrastructure (both physical and software) work as a whole system to allow them to serve users. User data is processed and stored across servers globally--irrespective of the geographic origin of any data. It is not technically feasible to wall off Vietnamese user data from other countries and not transfer Vietnamese user data outside the country, as would be required by the draft provisions in Decree 72. One piece of data often relates to or is shared between multiple users, who may be in different locations. It would be impossible to maintain global services without the ability to transfer data across borders. The increased regulatory costs required to address data localization will make Vietnam a significantly less attractive country to invest in.

Furthermore, this regulation goes against Vietnam’s international commitment. Under the WTO, Vietnam committed to allow various services to be provided cross-border and to provide full “national treatment” for service providers not located in Vietnam. The data localization requirement makes it much more difficult, or impossible, to provide services on a cross-border basis, and discriminates against cross-border service providers compared to providers locally established in Vietnam.

The Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership (CPTPP) also includes provisions prohibiting data onshoring. According to Articles 14.11 and 14.13 of the

CPTPP, a Party shall allow cross-border data transfers and shall not require businesses to locate computing facilities in that Party's territory as a condition for doing business. Whilst we note that Vietnam has secured a five-year moratorium concerning its Cybersecurity Law and Articles 14.11 and 14.13 of the CPTPP, amongst other articles, we urge Vietnam to work towards fully meeting its CPTPP commitments in due course rather than moving further away from it. Rather than restricting data flows and inserting provisions that create artificial borders within the Internet, next generation trade agreements have disciplines to support ever-more efficient and open data flow.

Recommendation: *We request that the above-mentioned requirements be removed. There are a variety of ways in which providers are accessible to relevant competent authorities in Vietnam as well as Vietnamese users.*

10. Article 22.3.dd – requirement for setting up a dedicated unit for handling request from Vietnam is burdensome.

The draft decree requires that the cross-border platforms are required to have a specialized department to handle requests by Vietnamese authorities and Vietnamese users' complaints. However, the new Draft Decree 72 does not specify what type of customer complaints (i.e., relating to illegal contents, or services, etc.) are included in the scope of this regulation. Cross-border platforms already have publicly accessible channels/webforms to receive users' complaints for our products and services for respective purposes as well as specific employees tasked with reviewing such complaints. The internal organization of customer support departments within private cross-border platforms should be left to the purview of such private companies, especially as they may need to continue to update their efforts to support customers as new services or features are introduced over time. Lastly, the latest Draft Decree does not indicate if the specialized department must be onshore, or may be offshore. We also seek clarification on whether this provision is applied to ads whereas there is no such requirement under Decree 70/2021/ND-CP on advertisements.

Recommendation: *We recommend removing these requirements from this draft amendment or at least clarifying such requirements for a specialized unit and incorporating sufficient flexibility so that stakeholders that already maintain customer support departments will not be required to establish new departments or otherwise engage in duplicative efforts.*

11. Article 22.3.e - Requiring platforms to resolve users' complaint will be burdensome for platforms.

Recommendation: *We recommend the Government maintain requests for illegal content take-down to be centralized and issued after a thorough review by competent authorities only, which could also help prevent unhealthy bullying on the Internet and reduce the loads for service providers in order to focus on valid government requests.*

12. Article 22.3.g – It is technically infeasible for platforms to ensure that those conducting livestreaming have registered with local authorities.

Article 22.3.g stipulates that only user accounts, community pages, and content channels in Vietnam that have notified their contact information to MIC are permitted to livestream and participate in revenue-generating services. However, due to the high volume of internet

users, it is technically infeasible to limit livestream to those who have registered with the local authorities. We look to authorities to alert us of the accounts that may violate local laws.

This new responsibility imposes an undue and impractical burden on foreign service providers. It is apparent that one party should never in any way be responsible and liable for regulatory compliance obligations of another external party, especially as it becomes obviously infeasible when the offshore providers are incorporated and operating overseas, pursuant to foreign jurisdiction.

Having said that, the regulator should be the only body having sufficient competence, function and authority to examine and certify if a user has complied with local laws. The offshore provider could never be eligible to take over such authoritative responsibility nor act on behalf of the regulator in that sense. We therefore strongly defer the compliance liability to the local users.

Recommendation: *We recommend removing this onerous regulation as it would negatively impact offshore providers' interests and motivations in continuing its service provision to customers in Vietnam.*

13. Article 22.3.i and 22.4.a – The requirements for reporting for cross-border enterprises do not conform to international norms.

Article 22.4.a requests for notification of server location, while Article 22.3.i stipulates that cross-border service providers to send annual reports (before December 31) or ad hoc reports upon MIC (ABEI)'s request, which generally including the following main items:

- Location of servers in Vietnam;
- Total number of users in VN at the time of the report (user accounts);
- Number of regularly visitors in VN per month (unique visitors);
- Revenue generated in Vietnam;
- List of content-related complaints made by users in Vietnam that have been handled by the service provider;
- Number of violating contents handled by the service provider.

While the offshore service providers are not incorporated in Vietnamese territory, these providers are not obliged to disclose their data and their business revenue to the local authorities, but only comply with the strict regulations within their own jurisdiction. At the same time, global companies must adhere to their own strict internal policies and contractual agreements with its customers, including among others, policies related to disclosure of sensitive information, privacy and business confidential information.

This is not a common worldwide practice and would significantly reduce the interest of foreign entities to actively provide useful and efficient solutions and support to local businesses and users. If the government is looking to regulate citizens in the country, the

requirements should directly address local users or companies, not offshore service providers. Having said that, some information can be found in globally published reports by companies such as transparency reports on content removal or efforts to combat child abuse contents. Such reports are published by platforms with country-by-country data which is useful for governments, users, and other stakeholders alike.

Recommendation: *We recommend removing the request for information from offshore providers.*

14. Article 22.5.b - The arbitrary 3-hour and 24-hour takedown requirements are inconsistent with global norms and arduous for cross-border information providers.

In the current draft Decree, MIC establishes a 24-hour timeframe for handling general violations and a three-hour timeframe for handling violations involving livestreaming for cross-border information providers. This is a particularly onerous regulation and does not take into consideration the operational aspect of these enterprises.

While our members are committed to removing prohibited content, they rely on a combination of machine and human reviews to balance between accurate and fast actions. Some complaints and take-down requests can be complex and necessarily take time to assess thoroughly. This may include situations in which a complaint may not initially provide sufficient information and requires additional follow up with the complainant, or the specific context of the content being complained about may need to be further investigated.

For example, some content such as a video of wartime activities when presented in educational or documentary contexts may be beneficial to the public and should not be removed despite a complaint by users, but the same content could be entirely inappropriate or illegal for a terrorist recruitment video. Such determinations take careful human consideration to determine whether content is illegal according to local law; or simply the difficulty of assessing whether material has crossed the line of impropriety in the often-nuanced cases that we face nowadays, among other issues; each of which can take time to resolve and can only be accommodated by a flexible requirement. Additionally, as a matter of practice, the current 48-hour turnaround time required under Circular 38 effective since 2016 already presents practical difficulties and obstacles. It does not reflect scenarios where a high volume of content (hundreds or thousands) is submitted at the same time.

Furthermore, companies of all sizes, large and small, have established takedown procedures to ensure due process and that the claims are accurate. Content decisions are made in headquarters and require analysis and participation by multiple stakeholders. Communicating with international teams and time zone differences make a 3-hour or 24-hour takedown time infeasible. This is particularly true where content hosted abroad may be legal in jurisdictions other than the jurisdiction from which a removal request or complaint was received.

Many websites may not even have the resources to handle takedown requests within this period of time. App developers may also be able to make changes that remedy the illegal activity, and as such developers should be given the opportunity to remedy rather than have their apps removed. Decisions to remove a game or an app from an app store are not taken lightly. There are many considerations at play, and factual research is required to help all sides

make the right decision. In certain emergency circumstances, we have and continue to make best efforts to respond to requests by government authorities as soon as we can. This is only possible for emergency cases, not for removal at scale.

Moreover, Decree 70/2021/ND-CP amending Decree No. 181/2013/ND-CP guiding the Law on Advertising stipulates foreign organizations and individuals providing cross-border advertising services must handle infringing advertising within 24 hours after receiving a request from MIC. Thus, livestreaming violating ads will only be subject to a 24-hour timeframe, while livestreams without ads will only have a timeframe of 3 hours. Even though the nature of both actions remains the same, they are subject to different timelines, leading to confusion among enterprises who have to implement these regulations.

On a related note, the requirement for the disclosure of complainants' email addresses is not only an impermissible breach of personal data privacy but would induce a chilling effect. Users would be discouraged from reporting unlawful content, which is likely the opposite of the legislative intent of Decree 72. The requirement to 'temporarily lock' recidivist accounts also requires clarification. If the legislative intent is for service providers to retain recidivist accounts' information, the provision should be narrowed to that extent.

Recommendation: *We recommend extending this time period and adding in an appeal process, as well as creating a more supportive environment for complainants to ensure the final action taken is aligned with the intent of the Decree, as well as to be in accordance with the International Standards like EU-GDPR and practices followed by the government of Singapore. Additionally, we recommend providing further clarification or examples of a "justified reason" that may be acceptable to the MIC for failure to remove content within the timeframe for removal. Further clarity on this term would ensure businesses have a better understanding of the risks posed given the technical and logistical challenges of removing content in some situations.*

15. Article 22.6 - "Enterprises leasing space for data storage in Vietnam" is not defined.

Please clarify this term to ensure that it does not apply to cloud computing service providers, data center service providers, or any similar service providers that have no visibility into the customer content hosted on their systems - and therefore could not comply with the obligations that Article 22 seems to impose on such enterprises. In addition to the fact that cloud service providers lack visibility into customer content and that reporting violating content to the MIC within three hours of detection is untenable, foreign service providers are not properly placed to evaluate the legality of content under Vietnamese regulations.

Recommendation: *This draft decree contains many new obligations relating to domain name registration and maintenance services. We wish to confirm that the scope of these regulations does not extend beyond .vn domain name registrations or services. In addition, we request clarification what is intended by "customer information records" in 22.6.*

16. Article 23.1 – Make clear that foreign social networks are excluded from the licensing requirements.

While Article 23.7.a on licensing and management of social networks clearly stipulates that "the management of foreign social networks will be carried out in accordance with Article 22

of this Decree”, Article 23.2 does not specifically name foreign social networks as websites which are not subject to a license. This creates confusion over whether in fact foreign social networks are subject to the licensing requirements. We understand that the Government’s intention is that foreign organizations will not be subject to the licensing requirements in Article 23.1. This is unclear in the current draft and should be clarified in the legislation.

Recommendation: *We recommend that Article 23.1 clearly state that foreign social networks would be excluded from the licensing requirements.*

17. Article 23.7.d - “Enterprises leasing space for data storage in Vietnam” is not defined.

Article 23.7(d) of the Draft Decree provides that only licensed social networks are eligible to provide livestreaming services or revenue-generating services. The current language can be interpreted that any organizations or enterprises (including specialized information portal) that provide livestreaming services shall be required to obtain the social network license issued by the MIC. This appears to be not in light of the exemption of license/permit requirement applied to specialized information portal as provided in proposed amended Clause 23.2.a. which reads “websites providing specialized application services are not subject to a license/ permit under the Draft Decree”.

Recommendation: *To align with the intention to regulate social networks and emphasize the license requirement in respect of livestreaming on social network, we propose to revise the above provision as: “Social networks providing livestreaming services or revenue-generating services must obtain a license for providing social network services issued by the Ministry of Information and Communications.”*

18. Article 28.2 - Requiring enterprises providing information content service on mobile telecommunications networks to have at least one server system in Vietnam is inconsistent with international practices.

Article 28.2 in the current draft states that organizations, enterprises providing information content service on mobile telecommunications networks must:

“2. To have at least one server system in Vietnam to service the inspection, examination, storage, and provision of information at the request of competent state management authority, and settlement of customers’ complaints about the service provision in accordance with the MIC regulations”.

This requirement resorts to forced onshoring and is inconsistent with international practices. Installation of servers in a country should be dependent on market conditions and demand for the service provided.

Recommendation: *We recommend deleting Article 28.2.*

19. Article 34d - obligations of service providers to video games online publishers.

Please clarify how this provision applies to data center service providers and how this interacts with Article 44.

Complying with this provision would require (1) the CSP to know a customer is subject to the laws of Vietnam, is in the business of publishing games, and is required to obtain a license, and (2) the CSP to proactively verify the customer has such license. Cloud service providers have no visibility into a customer's content or which regulatory requirements apply to that customer. This is why we have an obligation in our Customer Agreement stating that the customer must comply with whatever laws are applicable to its business. We cannot "proactively refuse, suspend or discontinue connection with video game providers" for carrying on certain activities (of which the cloud service providers would have no knowledge) without a license. This section also requires that CSPs proactively report detected information safety and security violations to the government. These responsibilities should lie with the customer and the relevant regulator.

Recommendation: *We recommend that Article 34d be revised to ensure that the respective regulatory compliance obligations are imposed on video game services providers only.*

20. Article 44 - Avoid including (Article 44) data center operations and cloud services in Vietnam in the proposed scope of Decree 72 without any clear policy basis or reason to do so.

It is not clear what the main objectives behind Article 44 of the Draft Amendments are and what regulatory requirements MIC intends to place on data centers and cloud services by expanding the scope of Decree 72. This ambiguity will create significant commercial uncertainty and may cause data centers and cloud service providers (CSPs) to re-think their commercial investments in Vietnam.

Establishment of such a regulatory regime for data center services would undermine the growth and development of cloud services in Vietnam by: (1) creating an unnecessary barrier to entry; (2) introducing a new compliance burden that differs from, and is possibly counter to, regional and global practices; (3) reducing market competition; and (4) deterring both foreign investments and cross-border engagements. Taken together, this would substantially impact the services and innovation that would otherwise be available to the citizens, businesses, and government of Vietnam.

Before considering amendments to Decree 72, we urge the Government to dialogue with industry to better understand concerns that may require regulatory intervention – and if so, whether these concerns can be addressed through self-regulatory approaches. We also encourage the Government to focus on promoting the growth and development of data center operations and cloud services in Vietnam by: (1) remaining aligned with the global approaches to regulation of the data center industry, which do not impose cloud-specific regulations; (2) promoting a 'cloud as default' or 'cloud first' policy for government IT operations and encouraging cloud adoption in the private sector; and (3) enabling access to domestic and international connectivity under competitive terms.

Recommendation: *We recommend the Government conduct an impact assessment in consultation with the industry and other international and domestic subject matter experts on the necessity of regulating data centers and the cloud. We also recommend that amendments to Decree 72 continue to exclude data center operations and cloud services from its scope.*

21. Article 44c and 44h.2 - requiring telcos, internet and data center service providers to require customers to commit in the contracts and to terminate services with customers that breach applicable regulations on security.

A termination or suspension of data center services would likely have an immediate and material impact on our customers. Laws and regulations should be enforced by government agencies, not by data center service providers who can discontinue services based on their terms and conditions. Data center service providers should have the flexibility in their contractual provisions/terms and conditions.

Recommendation: *We recommend the removal of this wording in Article 44c: “discontinue service for organizations and individuals that violate the regulations on information security.” Alternatively, we request for the clarity that a service provider may base on our contractual terms and conditions to discontinue services following a court judgment/formal legal process confirming that the applicable customer violated the laws or regulations on information security. Vietnam should not force a service provider to discontinue services merely due to allegations or a subjective opinion that a service provider has violated the regulations.*

22. Article 44d on registration of data center business and 44g on obligations of data center service providers.

As discussed in section 4 above, it would not be practicable or enforceable for Vietnam to exercise extra-territorial effect of Vietnamese laws on offshore companies.

Recommendation: *In line with global laws on privacy or electronic transactions, we propose that the regulation, and this notice requirement, should apply only to entities formed or recognized under the laws of Vietnam.*

23. Article 44.h on obligations of data center service providers.

Referring to the above main argument that data center/cloud service providers should not be regulated and such regulatory obligations listed in Article 44h should not be imposed on them. As cloud service providers do not have visibility into customer content, it is not feasible to detect and prevent illegal activities. In line with our requests above, we ask for the clarity that a data center service provider only be obligated to discontinue service after receiving a court judgment confirming that the applicable customer violated applicable law. The regulation should also not obligate organizations and individuals to notify foreign organizations of information that they believe violates Vietnamese law. Foreign organizations would often be unable to act on such notifications, as they may be unfounded or based on a subjective or erroneous interpretation of law. Organizations and individuals should instead direct such notices to the Ministry of Information and Communications.

Recommendation: *We request clarification on the intent of 44.h.5. Based on the shared responsibility model explained above, data center/cloud services users elect where to store or transfer their data/content. Data center service providers do not have control over it: their customer content is typically not transferred outside the country without the customer’s decision and consent. This provision is not in line with Article 44.g which acknowledges cross border data services. We therefore recommend deleting this provision (44.h.5) from the draft Decree.*